

KINH ĐẠI PHẬT ĐÁNH NHƯ LAI MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 7

---o0o---

Sa-môn Bát-thích Mật-đế người Trung Thiên Trúc dịch vào đời Đường.

Sa-môn Di-già Thích-ca, người nước Ô Thành dịch ngữ.

Sa-môn Hoài Dịch, chùa Nam Lô, núi La Phù, chứng minh bản dịch.

Đệ tử Phòng Dung, thọ Bồ-tát giới, hiệu Thanh Hà, chức Tiền Chánh
Nghị Đại Phu đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự nhuận bút.



TUYÊN HÓA Thượng Nhân,

Vạn Phật Thánh Thành, Bắc Mỹ châu (Hoa Kỳ) lược giảng.

Đệ tử thọ Bồ-tát giới Phương Quả Ngộ ghi chép.

Thích Nhuận Châu, Tịnh Thất Từ Nghiêm Đại Tông Lâm dịch

---o0o---

Mục Lục

KHAI KINH KỆ	3
TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN	3
QUYỀN 07 - PHÂN CHÁNH VĂN VÀ GIẢNG GIẢI	4
THÀNH LẬP ĐẠO TRÀNG	9
TÂM CHÚ	17
THÂN CHÚ PHẬT ĐÁNH THỦ LĂNG NGHIÊM	23
ĐỆ NHẤT	23
ĐỆ NHỊ	31
ĐỆ TAM	34
ĐỆ TỨ	39
ĐỆ NGŨ	43
HAI CÁI NHÂN ĐIÊN ĐẢO	78
MƯỜI HAI LOẠI CHÚNG SINH	87

---o0o---

KHAI KINH KỆ

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa

*Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay nghe được chuyên trì tụng
Nguyện rõ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.*

---o0o---

TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN

01. Dịch giả phải thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.
02. Dịch giả phải tu thân dưỡng tánh, dứt bỏ thói cao ngạo.
03. Dịch giả phải tự chế, không được tự khen ngợi nhưng lại chê bai kẻ khác.
04. Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi lầm nơi tác phẩm của họ.
05. Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
06. Dịch giả phải dùng Trạch-pháp-nhãn để phán xét đâu là chân lý.
07. Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao tăng, Đại đức ở mười phương chứng minh cho bản dịch.
08. Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi phiên dịch của mình được chứng minh là đúng.

---o0o---

QUYỀN 07 - PHẦN CHÁNH VĂN VÀ GIẢNG GIẢI

Kinh văn:

A Nan, ông hỏi cách nhiếp trì tâm, nay trước tiên tôi sẽ nói: Muốn vào Tam ma địa tu học pháp môn vi diệu, cầu đạo Bồ tát, trước hết cần giữ bốn loại luật nghi sáng trong như sương, giá, tự không thể sinh ra các hành lá. Ba ý nghiệp, bốn khẩu nghiệp không còn có nhân để sinh ra được.

Giảng giải:

A Nan, ông hỏi cách nhiếp trì tâm, nay trước tiên tôi sẽ nói: Muốn vào Tam ma địa tu học pháp môn vi diệu. Pháp môn vi diệu là theo nhĩ căn để trở lại với tự tính nghe, cái tánh ấy trọn vẹn, đầy đủ và hơn hẳn. **Cầu đạo Bồ tát, trước hết cần giữ bốn loại luật nghi sáng trong như sương, giá.** Điều đầu tiên cần chuyên tâm tu dưỡng là gìn giữ bốn giới luật, sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ. Giữ giới tà dâm không chỉ ở thân, mà cả tâm cũng không được nghĩ đến. Quý vị phải loại trừ cả hai mới thoát được trần lao đáng chán này. Nếu như không loại trừ đi lòng khát khao ham muốn ắt không dứt được trần cấu. Đối với sự giết hại mạng, trộm cắp, nói dối cũng vậy. Đây là bốn giới luật rất quan trọng. Quý vị phải trở nên trong sáng như sương, như giá. Phải hoàn toàn sáng trắng, không một chút bợn nhơ trên nền trắng sáng ấy. Được vậy mới thật là tự nhiên trọn vẹn. **Tự không thể sinh ra các hành lá.** Hoàn toàn thanh thoát, quý vị sẽ đạt đến bản nguyên căn để **Ba ý nghiệp, bốn khẩu nghiệp không còn có nhân để sinh ra được.** Cả ba mối tham sân si đều khởi sinh từ tâm, cùng bốn khẩu nghiệp là vọng ngôn, ý ngữ, lường thiệt, ác khẩu, những điều đó sẽ không còn điều kiện và nguyên nhân để sinh khởi, bởi vì quý vị đã thật sự giữ gìn bốn giới, và hạnh thanh tịnh sẽ không còn thay đổi.

Kinh văn:

A Nan, nếu giữ được bốn sự như vậy không thiếu sót, tâm ông cũng không còn duyên với sắc, hương, vị, xúc thì ma sự làm sao phát sinh ra được.

Giảng giải:

Nếu ông không còn đuổi theo, ràng buộc với sắc, hương, vị, xúc; không vòn vướng vào những điều kiện đó thì mầm móng ma sự sẽ biến mất. Vậy chúng đâu còn sinh khởi.

Kinh văn:

Nếu có tập khí các đời trước không thể diệt trừ, ông dạy người đó nên nhất tâm tụng thần chú của ta: “Phật Đảnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La”

Giảng giải:

Như có chúng sinh chưa dứt trừ tập khí trong các đời đã qua, ông dạy họ nhất tâm tụng chú. Điểm quan trọng ở đây là nhất tâm, là tâm chuyên chú duy nhất. Không có sự phân tâm như vừa tụng chú vừa nghi ngờ. Đừng tụng chú mà suy nghĩ: Nam mô cái gì đây? Đây là tâm phân vân giữa tin và nghi. Căn bản quý vị là một người nhưng rốt cùng lại có hai tâm. Một tâm có thể cho rằng tụng chú rất hữu dụng, còn tâm kia lại nghĩ: “Tôi đang tụng cái gì mà tôi không biết?”. Phân vân như thế là sợ hãi. Quý vị phải nhất tâm mới được.

Ma ha nghĩa là lớn. Tát-đát-đa bát-đát-la là Tàn lọng trắng lớn (Đại bạch tán cái). Khi quý vị tụng: Tát-đát-đa Bát-đát-la tức là cái lọng trắng lớn, biểu hiện khoảng không nơi quý vị. Nếu có niềm tin sâu xa và cao cả, khi tụng câu chú này, tàn lọng sẽ che rợp đến mấy ngàn dặm, còn như quá ít ỏi, sức che của lọng chỉ riêng có một mình quý vị. Người giữ giới thanh tịnh, cao cả, khi tụng niệm chú này, cả đất nước cũng được che chở, yên ổn, mọi hung hiểm đều hóa nhỏ và biến mất.

Kinh văn:

Đó là vô vi tâm phật của vô kiến đỉnh tướng Như Lai, từ đỉnh hiện ra ngòai trên tòa sen nói thần chú.

Giảng giải:

Chú Lăng Nghiêm là **Vô kiến đỉnh tướng Như Lai**. Đó là tướng mắt thường của chúng ta không sao thấy được. Như phần sau kinh có mô tả:

Lúc đó, từ nơi nhục kế của Đức Thế Tôn phóng ra trăm thứ hào quang, trong hào quang hiện ra ngàn cánh sen báu. Trong sen báu có hóa thân Như Lai. Từ đỉnh phóng ra mười đạo hào quang bạch báu. Trong mỗi mỗi hào

quang đều có hiện ra Kim Cang Mật Tích nhiều như số cát mười con sông Hằng, xách núi, cầm chùy khắp cõi hư không.

Đại chúng ngẩng đầu lên nhìn, cảm thấy vừa yêu vừa sợ, cầu Phật che chở, một lòng lắng nghe Đức Phóng Quang Như Lai từ vô kiến đỉnh tướng của Phật nói thần chú.

Tôi biết đây là đoạn văn thuộc tâm, tôi không bao giờ quên. Đó là **vô vi tâm Phật từ đỉnh hiện ra ngồi trên hoa sen nói thần chú**. Chúng ta có thể đã bắt gặp thần chú có đại thiện căn này trong quá khứ, nhưng cho dù có gặp đi nữa cũng không học. Học rất khó nhớ! Đó là lý do tại sao tôi kiểm tra chú Lăng Nghiêm nơi quý vị.

Kinh văn:

Vả lại, ông cùng nàng Ma Đăng Già do nhân duyên đã trải qua nhiều kiếp thành tập khí ân ái, không phải một đời hay là một kiếp, nhưng ngay khi ta tuyên dương thần chú thì nàng Ma Đăng Già liền thoát hẳn lòng yêu, thành quả A-la-hán.

Giải thích:

Vả lại, ông cùng nàng Ma Đăng Già do nhân duyên đã trải qua nhiều kiếp. Trong quá khứ, ông đã lấy nàng ấy năm trăm lần. **Thành tập khí ân ái, không phải một đời hay là một kiếp**. Ông có hai điều sâu nặng là tập khí và lòng yêu mến. Đây không phải là một lần, không phải là một đời hay là một kiếp, mà nó trải qua một thời gian dài, rất lâu dài. **Nhưng ngay khi ta tuyên dương thần chú thì nàng Ma Đăng Già liền thoát hẳn lòng yêu**. Nàng Ma Đăng Già không còn tình cảm yêu đương, và **thành quả A-la-hán**. Sau khi nghe thần chú và trở về với Phật được giáo hóa, nàng Ma Đăng Già được giác ngộ, đạt quả vị thứ ba của A-la-hán. Khi ngài Văn Thù hỏi về sự nhập định thì Ma Đăng Già liền đạt quả vị thứ tư của A-la-hán. Nàng ấy đã thành tựu trọn vẹn bốn quả rất nhanh, trong khi ngài A Nan vẫn chỉ dừng ở quả vị thứ nhất, chưa được tiến đạo.

Kinh văn:

Nàng dâm nữ kia là người không có tâm tu hành, do sức thần chú giúp cũng mau chóng chứng quả vô học, vậy thì các ông là hàng Thanh văn trong Hội này, cầu Tối thượng thừa, quyết định thành Phật; ví như bụi bay gặp sức gió thuận, nào có khó khăn gì?

Giảng giải:

Nàng dâm nữ kia là người không có tâm tu hành, do sức thần chú giúp cũng mau chóng chứng quả vô học. Ma Đăng Già là một dâm nữ, tự thân nàng ta hoàn toàn không theo đạo, nhưng sức thần chú đã bí mật giúp nàng ấy đạt được quả A-la-hán rất mau chóng. **Vậy thì các ông là hàng Thanh văn trong Hội này, cầu Tối thượng thừa, quyết định thành Phật.** Các ông là Thanh Văn trong pháp hội này, tức đang nghe Phật giảng dạy chắc chắn sẽ thành Phật. **Ví như bụi bay gặp sức gió thuận, nào có khó khăn gì?** Khi cơn gió đẩy bụi, bụi sẽ bay đi. Vậy có gì là khó khăn, nguy hiểm đâu chứ?

Kinh văn:

Trong đời mật pháp, nếu có người muốn ngồi trong đạo tràng tu tập, trước tiên phải giữ giới cấm Tỳ kheo thanh tịnh, và cần phải lựa chọn những vị Cao Tăng giữ giới thanh tịnh bậc nhất để làm thầy mình. Còn như gặp Tăng chúng không thanh tịnh thì giới luật nghi sẽ không được thành tựu.

Giảng giải:

Trong đời mật pháp, nếu có người muốn ngồi trong đạo tràng tu tập, trước tiên phải giữ giới cấm Tỳ kheo thanh tịnh. Việc đầu tiên của người thời mật thể muốn ngồi vào Bồ đề đạo tràng, hoặc chùa, tháp, hoặc đạo tràng, người ấy phải thọ giới Tỳ kheo và giữ giới thanh tịnh ấy. Bất cứ người nào muốn xuất gia làm Tỳ kheo đều phải thọ giới và giữ gìn luật nghi, cho dù là một lỗi nhỏ cũng dứt khoát không phạm phải. **Và cần phải lựa chọn những vị Cao Tăng giữ giới thanh tịnh bậc nhất để làm thầy mình.** Tìm cho được một Tăng nhân có giới đức cao cả để làm thầy mình. **Còn như gặp Tăng chúng không thanh tịnh thì giới luật nghi sẽ không được thành tựu** Nếu không có được một thành viên của Tăng già để truyền giới, tức giới hạnh của quý vị không được đầy đủ và chính xác, sự tu học vì vậy cũng không có kết quả.

Kinh văn:

Sau khi giới được thành tựu, người đó đắp y mới, sạch sẽ, đốt hương và ở riêng một mình, tụng thần chú do tâm Phật nói, một trăm lễ tám biến. Sau đó mới kết giới, dựng lập đạo tràng.

Giảng giải:

Sau khi thọ các **giới được thành tựu, người đó đắp y mới, sạch sẽ.** Y mới, sạch sẽ không phải là y đã mặc qua, hoặc cũ kỹ. Họ phải **đốt hương và ở riêng một mình.** Ông phải đốt hương trước Phật và **tụng thần chú do tâm Phật nói, một trăm lẻ tám biến.** Tâm Phật ấy phát xuất từ Vô kiến đỉnh tướng. Thần chú thuộc tâm chú, được nói từ tâm Phật. Và đoạn chú Lăng Nghiêm này phải được tụng một trăm lẻ tám lần. **Sau đó mới kiết giới, dựng lập đạo tràng.** Ở đây, kiết giới phải mở rộng ra khắp bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, ngăn ngừa bọn Thiên ma đến nhiễu hại, đoạn mới thành lập đạo tràng.

Kinh văn:

Cầu các Đức Vô thượng Như Lai hiện ở trong các cõi nước khắp mười phương phóng hào quang đại bi đến rọi trên đỉnh đầu mình.

Giảng giải:

Khi tụng một trăm lẻ tám biến và thành lập đạo tràng thì **Cầu các Đức Vô thượng Như Lai hiện ở trong các cõi nước khắp mười phương,** đây là trong phạm vi đất Phật đã lập. **Phóng hào quang đại bi đến rọi trên đỉnh đầu mình.** Mong cầu chư Phật trong các cõi nước khắp mười phương phóng ánh sáng từ bi rọi lên đỉnh đầu để an ủi, hộ trì.

Kinh văn:

A Nan, những hàng thanh tịnh Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc bạch y đàn việt, như vậy, ở trong đời mạt pháp tâm diệt tham dâm, giữ giới thanh tịnh của Phật ở nơi đạo tràng phát nguyện Bồ tát, khi ra, khi vào, khi tắm rửa, trong sáu thời đều hành đạo như vậy, không ngủ, đến ba tuần, thì ta tự hiện thân đến trước người ấy xoa đánh đầu an ủi, khiến cho được khai ngộ.

Giảng giải:

A Nan, những hàng thanh tịnh Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc bạch y đàn việt, như vậy, ở trong đời mạt pháp. Khi ấy có các thanh tịnh Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc đàn việt. Đàn việt là chỉ Thích chủ, tức những người Cư sĩ tại gia phụng sự Tam bảo. Nếu những người như vậy **tâm diệt tham dâm,** đoạn dứt đi tham dục, , **giữ giới thanh tịnh của Phật ở nơi đạo tràng phát nguyện Bồ tát.**

1. Chúng sinh vô biên thế nguyện độ.

2. Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.
3. Pháp môn vô thượng thế nguyện học.
4. Phạt đạo vô thượng thế nguyện thành.

Đây là bốn lời nguyện của Bồ tát.

Những người ấy **khí ra, khí vào, khí tắm rửa, trong sáu thời đều hành đạo như vậy, không ngủ, đến ba tuần.** Họ thực hiện hạnh nguyện của Bồ tát trong đạo tràng, đoạn tụng thần chú Lăng Nghiêm. Có khi phải đi ra ngoài, đi tắm gội trước khi trở lại đạo tràng. Suốt sáu thời trong đêm ngày, họ phải hành đạo trong ba tuần lễ, ngồi trong ba giờ, đi lại trong ba giờ. Suốt hai mươi một ngày đêm không ngủ nghỉ, **thì ta tự hiện thân đến trước người ấy xoa đánh đầu an ủi, khiến cho được khai ngộ.** Phật Thích ca Mâu ni nói: “Ta sẽ hiện ra trước người ấy, lấy tay xoa lên đỉnh đầu của họ, khiến cho họ đạt được thánh quả”.

---o0o---

THÀNH LẬP ĐẠO TRÀNG

Kinh văn:

Ông A Nan thưa với Phật: Bạch Thế Tôn, con nhớ lời dạy từ bi vô thượng của Đức Như Lai, tâm đã khai ngộ, tự biết con đường tu chứng thành quả vô học. Nhưng người tu hành trong thời mạt pháp muốn lập đạo tràng phải kết giới thế nào để hợp với qui tắc thanh tịnh của chư Phật Thế Tôn?

Giảng giải:

Sau khi ông A Nan nghe Phật giảng dạy, ông nghĩ phải hỏi về cách kết giới và lập đạo tràng. **Ông A Nan thưa với Phật: Bạch Thế Tôn, con nhớ lời dạy từ bi vô thượng của Đức Như Lai, tâm đã khai ngộ, tự biết con đường tu chứng thành quả vô học.** Ông A Nan tự biết sẽ trọn nghiệp thành tựu quả vị A-la-hán và hơn thế nữa, **Nhưng người tu hành trong thời mạt pháp muốn lập đạo tràng phải kết giới thế nào để hợp với qui tắc thanh tịnh của chư Phật Thế Tôn.** Trong tương lai, vào thời mạt pháp sẽ có người muốn lập đạo tràng, vậy họ phải làm thế nào để kết giới? Làm thế nào để hợp với quy tắc thanh tịnh của chư Phật?

Kinh văn:

Phật bảo ông A Nan: Nếu người trong đời mạt pháp muốn lập đạo tràng, đầu tiên phải lấy phân con đại lực Bạch ngưu ở núi Tuyết Sơn. Con Bạch Ngưu này chỉ ăn cỏ thơm ngon trong núi, uống nước trong trên núi. Do đó phân của nó mịn màng, lấy phân đó hòa với hương chiên đàn để trát nên nền đất.

Giảng giải:

Phật Thích Ca Mâu Ni nghe A Nan hỏi về cách kết giới và lập đạo tràng, **bảo ông A Nan: Nếu người trong đời mạt pháp muốn lập đạo tràng, đầu tiên phải lấy phân con đại lực Bạch ngưu ở núi Tuyết Sơn. Con Bạch Ngưu này chỉ ăn cỏ thơm ngon trong núi, uống nước trong trên núi. Do đó phân của nó mịn màng, lấy phân đó hòa với hương chiên đàn để trát nên nền đất.** Phân của con bò ăn cỏ ấy, đem trộn với hương chiên đàn, sau đó trát lên nền đất.

Kinh văn:

Nếu không phải ở Tuyết Sơn thì phân của Bạch ngưu hôi bẩn, không trát đất được. Như vậy phải chọn nơi bình nguyên, đào sâu xuống năm thước lấy lớp đất vàng.

Giảng giải:

Nếu không phải ở Tuyết Sơn thì phân của Bạch ngưu hôi bẩn. Nếu Bạch Ngưu không ở tại Tuyết Sơn thì phân của nó hôi bẩn, không thể dùng để trát lên nền đất được. **Như vậy phải chọn nơi bình nguyên, đào sâu xuống năm thước lấy lớp đất vàng.** Trong trường hợp ấy, ông phải chọn nơi đất bằng, đào sâu xuống năm thước lấy đất có sắc vàng trát lên nền.

Kinh văn:

Lấy mười thứ hương là chiên đàn, trầm thủy, tô hợp, huận lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, cam tùng và kê thiệt, nghiền thành bột, trộn với đất ấy thành bùn, độn trát lên nền đất đạo tràng, mỗi bên một trượng sáu, thành cái đàn bát giác.

Giảng giải:

Lấy mười thứ hương là chiên đàn, trầm thủy, tô hợp, huận lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, cam tùng và kê thiệt. Phải lấy đất vàng trộn với mười loại hương đó, **ngiễn thành bột, trộn với đất ấy**

thành bần, đoạn trát lên nền đất đạo tràng, mỗi bên một trượng sáu, thành cái đàn bát giác.

Kinh văn:

Nơi giữa đàn, đặt một hoa sen làm bằng vàng, bạc, đồng, gỗ. Ở giữa hoa để một cái bát, trong bát ấy đựng nước sương tháng Tám, trong nước ấy cắm các hoa lá. Đoạn lấy tám cái gương tròn, mỗi cái đặt một phía, chung quanh hoa và bát. Bên ngoài những gương ấy đặt mười sáu hoa sen, giữa các hoa sen đặt mười sáu lư hương trang hoàng. Trong lư hương chỉ đốt hương trầm thủy, không để thấy lửa.

Giảng giải:

Nơi giữa đàn, đặt một hoa sen làm bằng vàng, bạc, đồng, gỗ. Ở giữa hoa để một cái bát, trong bát ấy đựng nước sương tháng Tám, trong nước ấy cắm các hoa lá. Đoạn lấy tám cái gương tròn, mỗi cái đặt một phía, chung quanh hoa và bát. Lấy tám cái gương tròn đặt đúng theo tám phía làm thành hình bát giác. Bên ngoài những gương ấy đặt mười sáu hoa sen, giữa các hoa sen đặt mười sáu lư hương trang hoàng. Mười sáu hoa sen và mười sáu lư hương cùng đặt quanh đàn. Những lư hương trang hoàng để mọi người cùng cảm thấy thích thú, dễ chịu. Trong lư hương chỉ đốt hương trầm thủy, không để thấy lửa. Chỉ duy nhất đốt loại hương ấy và đừng để thấy lửa, có nghĩa là gương và hoa không thấy được lửa, nói khác đi, hương đặt bên trong lò sao cho ngọn lửa không thể thấy gương hay hoa.

Kinh văn:

Lấy sữa Bạch ngưu đựng trong mười sáu bình, dùng sữa làm bánh nướng cùng các thứ đường cát, bánh rán, bột sữa, tô hợp, mứt gừng, mật ong, bơ tốt, mật tốt, mỗi thứ đều mười sáu bình đặt bên ngoài và quanh vòng hoa sen để cúng dường chư Phật và các Đại Bồ tát.

Giảng giải:

Lấy sữa Bạch ngưu đựng trong mười sáu bình, dùng sữa làm bánh nướng. Sữa trộn với bột làm bánh. Ngoài ra còn có các thứ đường cát, bánh rán, bột sữa. Loại gạo nấu như với sữa, hương tô hợp, mứt gừng, mật ong, bơ tốt, mật tốt, mỗi thứ đều mười sáu bình đặt bên ngoài và quanh vòng hoa sen. Đặt bình trước mỗi hoa sen, tổng cộng mười sáu bình như vậy, để cúng dường chư Phật và các Đại Bồ tát.

Kinh văn:

Trong mỗi thời dung cơm và vào lúc giữa đêm, lấy nửa thăng mật và ba cáp bơ, nơi trước đàn để riêng một lư lửa nhỏ; lấy hương lâu đầu bà nấu lấy nước thơm để rửa sạch than, đốt than trong lư cho đỏ hồng rồi rót mật bơ vào, đốt cho hết khói đoạn cúng dường chư Phật Bồ tát.

Giảng giải:

Trong mỗi thời dung cơm và vào lúc giữa đêm. Thời gian suốt bữa ăn trong ngày và lúc nửa đêm. **Lấy nửa thăng mật và ba cáp bơ, nơi trước đàn để riêng một lư lửa nhỏ.** Nơi phía trước đàn đặt duy nhất lư lửa. **Lấy hương lâu đầu bà nấu lấy nước thơm để rửa sạch than.** Than trước khi đem đốt phải được rửa sạch bằng nước có hương thơm. **Đốt than trong lư cho đỏ hồng.** Lửa đốt trong lư phải mạnh và rất nóng. **Rồi rót mật bơ vào, đốt cho hết khói đoạn cúng dường chư Phật Bồ tát.** Mọi việc xong hết mới dâng cúng Phật Bồ tát.

Điều ấy giống như trong Mật giáo, người ta thường đốt cả mật và bơ để cúng dường Phật, thậm chí họ còn đốt nhiều vật giá trị như vàng, bạc, châu báu...cúng dường chư Phật.

Kinh văn:

Nơi bốn phía ngoài, treo khắp phướn và hoa, ở trong phòng đàn, an trí hình tượng hiện có của mười phương Như Lai và các vị Bồ tát trên bốn vách.

Giảng giải:

Nơi bốn phía ngoài, treo khắp phướn và hoa. Bốn phía ngoài tường là phạm vi vây quanh phòng đàn. Ở trong phòng đàn, an trí hình tượng hiện có của mười phương Như Lai và các vị Bồ tát trên bốn vách.

Kinh văn:

Nên ở chính giữa đặt hình tượng Phật Lô Xá Na, Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật A Súc, Phật Di Đà, các hình tượng đại biến hóa của Quán Thế Âm, lại thêm hình tượng các vị Kim Cang Tạng Bồ tát ở hai bên. Những tượng của Đế Thích, Phạm Vương, Ô Sứ Sắc Ma, Lam Địa Ca, Quân Trà Lợi, Tỳ Câu Chi và Tứ Thiên vương, Tần Na Dạ Ca, treo ở hai bên cửa.

Giảng giải:

Nên ở chính giữa đặt hình tượng Phật Lô Xá Na, Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật A Súc, Phật Di Đà, các hình tượng đại biến hóa của Quán Thế Âm. Tì Lô Xá Na có nghĩa tràn khắp các cõi. Bồ tát Di Lặc là vị Phật tương lai trong thế gian này. Hình tượng ngài là vị Bồ tát béo tròn. Phật A Súc ở phương Đông, ngài còn có danh hiệu Dược Sư Phật. A Súc có nghĩa là Bất Động. Phương Đông thường biến động, nhưng vị Phật ở đây là Bất động. A Di Đà có nghĩa là ánh sáng vô cùng, thọ mạng vô lượng. Về sự biến hóa của đức Quán Âm, bản kinh này cũng đã nói đến, đoạn diễn tả Ngài có thể hiện thân có một đầu, có ba đầu, năm đầu, bảy đầu, chín đầu, mười một đầu, hoặc một trăm lẻ tám đầu. Hoặc diễn tả Ngài có một tay, ba tay, năm tay, bảy tay, chín tay, hoặc nhiều đến một trăm lẻ tám tay, một nghìn tay, mười nghìn tay, hoặc tám mươi bốn nghìn tay.

Lại thêm hình tượng các vị Kim Cang Tạng Bồ tát ở hai bên. Đây là các thần hộ pháp, thường biểu hiện vẻ mặt rất nghiêm khắc, đáng sợ. **Những tượng của Đế Thích, Phạm Vương.** Đế Thích là vua tầng trời thứ ba mươi ba. Ngài là Thượng đế, hoặc còn gọi là Thiên chủ. Phạm vương là Đại Phạm Thiên. **Ô Sô Sắc Ma, Lam Địa Ca, Quân Trà Lợi, Tỳ Câu Chi.** Ô Sô Sắc Ma là Hỏa Đầu kim Cang. Lam Địa Ca có mặt xanh và là vị thần Hộ pháp. Quân Trà Lợi có nghĩa là Điều phục, hoặc còn có hiệu khác là Kim Cang Trí. Tỳ Câu Chi cũng là thần Hộ pháp. Sắp bày hình tượng của **Tứ Thiên vương, Tần Na Dạ Ca, treo ở hai bên cửa.** Tần Na Dạ Ca là thần Hộ pháp: Vị này đặc biệt xấu và rất dữ tợn. Người Trung Quốc diễn tả có hai Hộ pháp, một vị là Pin Na, mình người đầu lợn, một vị là Yeh Chia, mình người đầu voi, thân hình rất dài. Người Ấn Độ mô tả thần Tần Na Dạ Ca (Vinayaka) là thần Ganapata, thân hình người, đầu voi. Sự xuất hiện hình dạng kỳ dị, đáng sợ như thế nhằm khiến cho mọi người khiếp sợ mà đối xử nhau cho phải đạo. Nơi cửa của Bồ đề đạo tràng đều có đặt thần hộ vệ.

Kinh văn:

Lại lấy tám cái gương treo úp trên không, mặt gương này đối chiếu với tám gương trước đã đặt trong đàn tràng, làm cho hình ảnh phản chiếu với nhau nhiều lớp.

Giảng giải:

Lại lấy tám cái gương treo úp trên không, mặt gương này đối chiếu với tám gương trước đã đặt trong đàn tràng. Làm thế nào để treo

được gương trong hư không? Quý vị đều lấy làm lạ. Chẳng hạn như ngọn đèn treo trên trần nhà. Nhưng làm sao để treo nó lơ lửng như mặt trời? Ở đây chẳng có gì lạ cả - Đây là treo các chiếc gương lơ lửng trên không trong phòng. Gương phải đặt sao cho đối diện với các gương khác. **Làm cho hình ảnh phản chiếu với nhau nhiều lớp.** Những hình ảnh sẽ lồng vào nhau trùng trùng đến vô tận.

Kinh văn:

Trong tuần bảy ngày đầu, chí thành danh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, các vị đại Bồ tát và A-la-hán. Thường trong sáu thời, tụng chú đi quanh đàn, chí tâm hành đạo, một thời thường tụng một trăm lễ tám biến.

Giảng giải:

Trong tuần bảy ngày đầu, chí thành danh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, các vị đại Bồ tát và A-la-hán. Thường trong sáu thời, tụng chú đi quanh đàn. Chú ở đây là thần chú kinh Thủ Lăng Nghiêm. **Chí tâm hành đạo, một thời thường tụng một trăm lễ tám biến.** Chí tâm có nghĩa giúp quý vị không nghĩ ngợi gì khác, chỉ duy nhất chú tâm vào chú. Mỗi lần tụng đọc là tụng suốt một trăm lễ tám biến, không dừng nghĩ.

Kinh văn:

Trong tuần bảy ngày thứ hai, một mặt chuyên tâm phát nguyện Bồ tát, tâm không gián đoạn, trong luật nghi, ta đã chỉ dạy về nguyện.

Giảng giải:

Trong tuần bảy ngày thứ hai hành đạo, một mặt chuyên tâm phát nguyện Bồ tát. Quý vị phải thành tâm và chuyên chú đọc bốn lời nguyện của Bồ tát:

1. Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.
2. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.
3. Pháp môn vô thượng thệ nguyện học.
4. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Tâm không gián đoạn, tâm không dừng niệm chú Lăng Nghiêm và luôn nhớ lấy bốn điều thệ nguyện. **Trong luật nghi, ta đã chỉ dạy về nguyện.** Khi nói về giới luật, ta đã dạy thực hành nguyện.

Kinh văn:

Trong tuần bảy ngày thứ ba, trong suốt mười hai thời, một mặt trì chú Bát-đát-la chú của Phật, đến ngày thứ bảy sẽ thấy mười phương Như Lai nhất thời xuất hiện, trong chỗ ánh sáng của các mặt gương giao nhau và được Phật xoa đỉnh.

Giảng giải:

Trong tuần bảy ngày thứ ba, trong suốt mười hai thời, một mặt trì chú Bát-đát-la chú của Phật. Tụng đọc thần chú Đại Bạch Tán Cái, tức chú kinh Lăng Nghiêm của Phật. **Đến ngày thứ bảy sẽ thấy mười phương Như Lai nhất thời xuất hiện.** Cùng lúc ấy, chư Phật sẽ bất ngờ xuất hiện tại đạo tràng, **trong chỗ ánh sáng của các mặt gương giao nhau và được Phật xoa đỉnh.** Quý vị sẽ được các Đức Phật trong mười phương xuất hiện và xoa lên đỉnh đầu, hình ảnh động tác ấy sẽ hữu hiện trong ánh sáng các mặt gương phản chiếu đến vô cùng tận.

Kinh văn:

Đoạn, ở nơi đạo tràng đó tu pháp Tam ma địa, có thể khiến cho những người tu học như vậy, trong thời mật pháp, thân tâm được sáng tỏ và trong sạch như ngọc lưu ly.

Giảng giải:

Đoạn, ở nơi đạo tràng đó tu pháp Tam ma địa. Nơi đạo tràng như miêu tả trên, khi được các Như Lai khắp mười phương hiện đến xoa đỉnh, liền tu pháp Tam ma địa, tức quay trở lại tánh nghe để nghe tự tánh, **có thể khiến cho những người tu học như vậy, trong thời mật pháp, thân tâm được sáng tỏ và trong sạch như ngọc lưu ly.** Thân và tâm người ấy sẽ trong suốt như pha lê và sáng lóng lánh.

Kinh văn:

A Nan, nếu như thầy truyền giới cho vị Tỳ kheo ấy, hoặc trong mười vị Tỳ kheo đồng hội, có một người giới hạnh không thanh tịnh thì các đạo tràng như vậy đa phần là không được thành tựu.

Giảng giải:

A Nan, ông nên biết nếu vị Tỳ kheo tu dưỡng và trì chú Lăng Nghiêm không đúng cách, ngay cả vị thầy truyền giới không được thanh tịnh, hoặc vị

ấy tu học từ vị Tỳ kheo khác có giới đức không thanh tịnh, vậy pháp hành ấy sẽ không có kết quả. Nên đừng thực hiện nếu có những người không thanh tịnh. Có thể họ đã giữ giới và chưa phạm lỗi. Đức Phật đề ra các giới như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối thì họ phạm tội sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói những lời không chân thật. Trong trường hợp đó, sự lập Bồ đề đạo tràng sẽ chẳng thành tựu. Tất cả sự tu dưỡng, mọi lời thần chú đều không có hiệu quả. Do đó, nếu quý vị thực hiện giáo pháp này thấy không được như ý, quý vị đừng nói: “*Tôi hành trì trong đàn suốt ba tuần, nhưng Phật Thích Ca, các Phật trong mười phương không đến xoa đỉnh đầu tôi. Tôi không thấy các vị ấy. Có thể Phật Thích Ca dối tôi.*”. Không phải như vậy. Có thể là do tự thân quý vị không thanh tịnh, hoặc một trong ai đó trong số mười vị truyền giới không được thanh tịnh. Chỉ cần một người không thanh tịnh thì tất cả đều bất thành. Đây là điều chúng ta nên hết sức chú ý.

Kinh văn:

Từ sau ba tuần bảy ngày, ngồi nghiêm chỉnh an cư, trải qua một trăm ngày, người có lợi căn không rời khỏi chỗ ngồi liền được quả Tu-đà-hoàn, mặc dù thâm tâm thánh quả chưa thành, những đã quyết định tự biết sẽ thành Phật không sai khác.

Giải thích:

Từ sau ba tuần bảy ngày, ngồi nghiêm chỉnh an cư, trải qua một trăm ngày. Việc ngồi thiền không giống như một số người, họ ngồi được hai tiếng đồng hồ và xem đó là kỳ công, tự cho là mình đã hơn được nhiều người. Thực ra, điều ấy có thể ví như chú mèo con đấu sức cùng sư tử vậy. Ngồi **ng nghiêm chỉnh** có nghĩa là không nghiêng trái, phải, cũng chẳng phải cúi về phía trước, ngã ra sau, hoặc duỗi dài chân. Đây không phải là ngồi yên và lo nghĩ: “*Ôi! Chân tôi tê quá!*”. Ngồi **trải qua** có nghĩa là không nghĩ tưởng gì khác. Ngồi một trăm ngày là không đi ăn, cũng chẳng tự thư giãn, tự làm cho mình dễ chịu. Đơn giản chỉ là ngồi một trăm ngày. **Người có lợi căn không rời khỏi chỗ ngồi liền được quả Tu-đà-hoàn.** Người thông minh và có lợi căn sẽ ngồi một trăm ngày, chắc chắn người đó sẽ được Thánh quả thứ nhất của A-la-hán. Ngày nay, quý vị không thể ngồi được trọn ngày, tuy vậy, cũng có người nghĩ mình sẽ đạt được Thánh quả. Thực là buồn cười! Quý vị phải có khả năng ngồi trong một trăm ngày mới có được kết quả. **Mặc dù thâm tâm thánh quả chưa thành, những đã quyết định tự biết sẽ thành Phật không sai khác.** Trong hiện tại họ chưa chứng được quả vị vô học, nhưng tin chắc mình sẽ thành Phật.

Kinh văn:

Ông hỏi đạo tràng thì cách thành lập như vậy.

Giảng giải:

Cách thức dựng lập đạo tràng là vậy.

---o0o---

TÂM CHÚ

Kinh văn:

Ông A Nan đánh lễ chân Phật mà thưa với Phật: Từ khi xuất gia, con ỷ lại lòng thương yêu của Phật, vì cầu đa văn nên chưa chứng quả vị vô vi.

Giảng giải:

Sau khi ông A Nan nghe Phật Thích Ca giảng giải, ông bèn **đánh lễ chân Phật mà thưa với Phật: Từ khi xuất gia, con ỷ lại lòng thương yêu của Phật.** Con nhờ vào lòng thương yêu đặc biệt của Phật đối với con, nhưng vì **cầu đa văn nên chưa chứng quả vị vô vi.** Ông ấy luôn muốn giỏi hơn nhiều người khác. *“Tôi muốn vượt hơn kẻ khác”,* và suy nghĩ: *“Ông không thể tụng kinh theo trí nhớ, nhưng tôi làm được. Ông không giảng được kinh, còn tôi thì nhớ rõ từng chữ”.* Ông vẫn luôn cạnh tranh mình là số một, và quyết dùng sự đa văn của mình để đạt vị trí thứ nhất. Và thực vậy, A Nan trở thành đệ nhất đa văn, nhưng ông vẫn chưa đạt được quả vị vô vi, chưa vượt qua kiến thức học hỏi của chính mình. Đây là điều rất đáng tiếc đối với Ngài.

Kinh văn:

Khi bị tà thuật Phạm Thiên vây hãm, tâm tuy rõ ràng nhưng sức chẳng tự do, nhờ gặp ngài Văn Thù khiến cho con được giải thoát. Mặc dù con thâm nhờ sức của thần chú Phật Đỉnh Như Lai, nhưng con vẫn chưa được nghe qua thần chú ấy.

Giải giải:

Khi bị tà thuật Phạm Thiên vây hãm, tâm tuy rõ ràng nhưng sức chẳng tự do. Con bị pháp thuật làm cho mê muội, rối rắm. Thân bị khốn đốn nhưng tâm con vẫn sáng suốt. Đây là khi A Nan không cảnh giác, nhưng cũng không phải là hoàn toàn rối loạn. Ông ấy rơi vào tình trạng mơ hồ, như ngủ chưa tỉnh giấc. Hoặc như người say rượu, nhưng A Nan không dùng rượu – trạng thái ấy giống như say rượu. Khi quý vị hỏi một người say, họ sẽ nhớ điều này, quên điều nọ - tình trạng ngài A Nan là vậy. Hoặc ông ấy như lơ mơ khi ngủ, hẳn nhiên là chưa ngủ say, chưa chìm trong mộng寐. Ông ấy không có sức giải thoát chính mình. Điều đó như đêm ngủ gặp quỷ Cưu Bàn Trà (Kumbhanda), nó có sức làm cho quý vị phải đờ đẫn, mất cả tự chủ. Khi tình trạng ấy xảy ra, quý vị có thể tỉnh táo nhìn thẳng vào nó, nhưng bản thân vẫn bất động vì sức mạnh của quỷ. Đó là những gì ngài A Nan trải nghiệm. Mặc dù ngài có ý thức, nhưng không tự kiểm soát, không được tự do tự tại. **Nhờ gặp ngài Văn Thù khiến cho con được giải thoát.** Đức Phật phái Bồ tát Văn Thù đến giải cứu, nhờ vậy con được giải thoát.

Mặc dù con thầm nhờ sức của thần chú Phật Đỉnh Như Lai, nhưng con vẫn chưa được nghe qua thần chú ấy. Thần chú Phật Đỉnh do đức Thế Tôn, Như Lai, Phật tuyên thuyết. Khi ngài Văn Thù đến chỗ con và tụng chú và con đã thầm nhờ uy lực của chú ấy. Tức là khi Văn Thù đến, ngài không đọc chú thành tiếng, mà chỉ thầm tụng. Tất cả quý vị nên đọc chú thành tiếng là khi ở trước Phật trong chùa, vậy mới có hiệu nghiệm. Nếu giữa đường phố mà quý vị đọc to tiếng: Nam mô tát đát tha tô già đa ra...ắt mọi người sẽ nghĩ đó là người điên. Quý vị đừng đọc một vài đoạn chú để khiến người khác xem thường, hủy báng pháp. Hành động lạ lung, kỳ dị của quý vị để họ chế nhạo, vậy sẽ phạm tội. Quý vị đừng bảo: *“Nếu họ phạm tội thì đó là chuyện của họ. Tôi cứ tụng thành tiếng, mặc họ phạm tội, họ sẽ sa vào địa ngục thôi!”*. Nếu quý vị có thái độ và ý định khiến người khác đi vào địa ngục thì xin quý vị đừng học Phật pháp nữa. Người học Phật là người nhiều tình cảm, có lòng khoan dung đối với mọi người, họ không hành động bất cứ điều gì để khiến kẻ khác phải sa địa ngục. Quý vị phải tu tập như vậy. Đừng nên nghĩ: *“Hủy báng bỏ tôi, tôi sẽ đi theo sau họ và đọc to chú Lăng Nghiêm, họ chê bai tôi thì cho họ rơi vào địa ngục”*. Nếu nghĩ như thế thì quý vị lập tức đừng đọc chú Lăng Nghiêm, đừng học Phật nữa làm gì, bởi vì người học Phật không ganh ghét ai, không gây trở ngại cho người hoặc có tính ích kỷ nặng nề. Đừng có thái độ tôi hơn người. Phật pháp xuất hiện là cứu độ chúng sinh chứ không phải khiến mọi người phạm tội. Quý vị phải hiểu rõ điều đó.

A Nan nói: “*Con thàm nhờ sức của thần chú nhưng con chưa được nghe qua*”.

Kinh văn:

Chỉ nguyện Đức Đại Từ tuyên nói lại cho, thương xót cứu giúp những hàng tu hành trong Hội này và những kẻ đời sau còn trong luân hồi, được nhờ mật âm của Phật mà thân ý giải thoát.

Giảng giải:

Chỉ nguyện đáng Thế Tôn, **Đức Đại Từ tuyên nói lại cho**, mong muốn của con là được Phật nói lại cho con nghe bài chú, và **thương xót cứu giúp những hàng tu hành trong Hội này**. Nguyện xin nói lại để cứu giúp **những kẻ đời sau còn trong luân hồi** sáu nẻo, **được nhờ mật âm của Phật mà thân ý giải thoát**. Nhờ vào mật âm của Phật mà mọi người sẽ được giải thoát. Giải thoát là không còn tới lui sinh tử, và chúng ta sẽ tụng chú Lăng Nghiêm hằng ngày để chúng sanh giải thoát mọi ràng buộc, giúp họ nhận ra những sai lầm tệ hại. Chẳng hạn mọi người đều biết hút thuốc lá là không tốt – nó phí thời gian và gây hại cho sức khỏe, tuy nhiên rất nhiều người vẫn cứ hút thuốc. Biết rõ thuốc lá tác hại đến sức khỏe, họ vẫn không cố gắng từ bỏ. Biết sát sanh là không đúng, người ta vẫn hại sinh mạng vật. Biết tà dâm là không phải, họ vẫn coi thường điều đó. Biết trộm cắp là sai trái, họ vẫn đêm ngày rình rập lấy trộm đồ vật, tài sản của người khác, không trộm xe hơi thì cũng lấy máy hát. Kẻ trộm biết mình phạm luật pháp, sẽ bị cảnh sát bắt giữ, nhưng họ vẫn không chịu từ bỏ. Đây là biết sai nhưng vẫn làm.

Kinh văn:

Khi ấy, tất cả đại chúng trong Hội thấy đều đánh lễ chờ nghe câu chú bí mật của Như Lai.

Giảng giải:

Khi ấy, tất cả đại chúng trong Hội, rất đông đảo các chúng cùng hội tập. **Thấy đều đánh lễ chờ nghe câu chú bí mật của Như Lai**, mọi người đều làm lễ và cùng đứng chờ nghe Phật nói từng chương, cú thần chú. “Chương” gồm năm đoạn của chú. “Cú” là bao hàm nhiều câu ngắn, như Nam mô tát đất tha, Tô già đa gia, A ra ha đế, Tam miệu tam bồ đề tóa. Nhưng chương và cú là điều bí mật, có nghĩa chúng ta không dễ gì hiểu được. Sự bí mật ấy nằm trong đoạn câu mà kiến thức của chúng ta không với tới. Khi quý vị tụng chú, quý vị không biết mình được lợi ích gì. Mặc dù có

được nhiều lợi lạc nhưng chúng ta không biết rõ, chúng ta cũng không biết về bí mật của chú.

Kinh văn:

Khi ấy, Đức Thế Tôn từ nơi nhục kế phóng ra trăm thứ hào quang báu, trong hào quang hiện ra hoa sen báu ngàn cánh, có hóa thân Như Lai ngồi trong hoa sen.

Giảng giải:

Khi ấy, Đức Thế Tôn từ nơi nhục kế trên đỉnh đầu của Phật Thích Ca Mâu Ni, phóng ra trăm thứ hào quang báu, trong hào quang hiện ra hoa sen báu ngàn cánh, có hóa thân Như Lai ngồi trong hoa sen. Hóa thân của Phật ngồi trên hoa sen ngàn cánh trong hào quang chói sáng.

Kinh văn:

Trên đỉnh phóng ra mười đạo hào quang bách bảo, trong mỗi đạo hào quang, số lượng bằng mười số cát sông Hằng, đều hiện ra các vị Kim Cang Mật Tích, xách núi, cầm trùy, đầy khắp cả hư không.

Giảng giải:

Trên đỉnh phóng ra mười đạo hào quang bách bảo. Đỉnh ở đây là chỉ đỉnh đầu của hóa thân Như Lai. Mười đạo hào quang bách bảo xuất phát từ đỉnh đầu của hóa thân Phật. Trong mỗi đạo hào quang, số lượng bằng mười số cát sông Hằng, hào quang chiếu sáng khắp mọi nơi, đâu đâu cũng có, đều hiện ra các vị Kim Cang Mật Tích, xách núi, cầm trùy, đầy khắp cả hư không cùng lúc hào quang phóng xuất, các Đức Kim Cang Mật Tích xuất hiện, tay cầm núi, cầm trùy, như Bồ Tát Vi Đà thường dùng. Các vị ấy hiện hữu đầy khắp cả hư không.

Kinh văn:

Đại chúng ngẩng lên xem, vừa yêu vừa sợ, cầu Phật xót thương che chở, một lòng nghe Đức Phóng Quang Như Lai từ nơi vô kiến đỉnh tướng của Phật tuyên nói thần chú.

Giảng giải:

Đại chúng ngẩng lên xem, vừa yêu vừa sợ, cầu Phật xót thương che chở. Tất cả các Đại Bồ tát, Đại A-la-hán, Đại Tỳ kheo cùng các chúng

tại đại hội, ngẩng lên nhìn hóa thân Như Lai xuất hiện từ đỉnh Phật, thấy đều sợ hãi khi nhìn thấy hóa thân Phật, đồng thời, họ cũng cảm thấy yêu mến đáng Như Lai. Tình yêu đó không phải là loại tình cảm yêu đương giữa nam nữ. Đây là tình cảm yêu mến chân thật, thoát khỏi mọi ham muốn. Cả hai loại tình cảm cùng hiện hữu: Khiếp sợ và yêu thương. Do đó, mọi người mong được Phật xót thương che chở. **Một lòng nghe Đức Phóng Quang Như Lai từ nơi vô kiến đỉnh tướng của Phật tuyên nói thần chú.** Mọi người đều chú tâm, đều muốn lắng nghe Phật, Khối thịt nhỏ trên đỉnh đầu Phật gọi là Vô kiến đỉnh tướng. Gọi vô kiến là vì người thường không nhìn thấy được. Mọi người nhìn thấy hào quang bách bảo và hóa thân Phật xuất hiện trên đỉnh Phật tuyên nói thần chú.

Như vậy, chú Lăng Nghiêm không phải do tự thân Đức Thích Ca nói ra, mà chính là hóa thân Phật tuyên thuyết từ hư không.

Đối với thần chú, tức mật ngữ, không ai có thể hiểu được, hoặc có thể giảng giải rõ từng âm tiết, từng câu chữ. Nhưng nếu quý vị muốn biết, tôi sẽ cố gắng giảng giải. Tuy nhiên, ở đây không có thời gian, vì chúng ta đang nói về kinh Lăng Nghiêm, còn như chú, cho dù có giảng trọn một năm cũng chưa xong, thậm chí cả ba năm, mười năm cũng vậy. Do đó tôi sẽ chỉ thuyết minh về đại ý thôi.

Chú Lăng Nghiêm phân làm năm bộ, biểu thị năm phương: Đông, Nam, Trung Ương, Tây, Bắc.

1. Đông phương Kim cang bộ, đức Phật A Súc là Bộ chủ.
2. Nam phương Bóa bộ, Đức Phật Bảo Sinh là Bộ chủ.
3. Trung ương Phật bộ, đức Phật Tỳ Lô Giá Na là Bộ chủ.
4. Tây phương Liên hoa bộ, đức Phật A Di Đà là Bộ chủ,
5. Bắc phương Yết Ma bộ, đức Phật Thành Tựu là Bộ chủ.

Nhân vì thế giới có năm đại ma quân nên có năm phương Phật ngăn chặn, chấn áp.

Trong năm bộ của chú, nhìn chung có hơn ba mươi pháp, nếu giảng rộng ắt có hơn trăm pháp. Có năm loại pháp chính yếu sau:

1. Pháp Thành tựu: Có nghĩa với pháp này, quý vị sẽ có được những gì tìm kiếm, hoặc cầu nguyện, mong cầu điều gì đó.

2. Pháp Tăng ích, tức là khi quý vị tụng thần chú này, chẳng những chính quý vị được nhiều lợi ích, mà cả những người khác cùng được lợi.
3. Pháp Câu triệu. Theo ý nghĩa, câu triệu là bắt giữ và lệnh gọi các loài hữu tình, ma, quỷ. Không có gì thoát khỏi, quý vị có thể đưa chúng trở lại và bắt giữ. Chẳng hạn có ai đó gây hại người nào và xa chạy cao bay. Nếu biết sử dụng pháp câu triệu thì chắc chắn kẻ đó không trốn khỏi.
4. Pháp Hàng phục: Loài quỷ cũng có pháp thuật và chú để chúng sử dụng. Khi mình tụng chú của mình thì chúng tụng chú của chúng. Nhưng nếu quý vị tụng chú Lăng Nghiêm, quý vị sẽ phá tan các loại chú của chúng. Tôi cũng đã nói qua về uy lực của chú, nó có công năng đánh đuổi và hủy diệt chú thuật của bọn ma vương gây hại. Đối với những ai chưa học cũng nên lưu ý điều đó. Nhưng tại sao khi tụng chú Lăng Nghiêm thì chú của Phạm Thiên thành vô hiệu?

Đây là vì “Ngũ đại tâm chú”:

- Chr Two Ni
- E Jya La
- Mi Li Ju
- Bwo Li Dan La Ye
- Ning Jye Li.

Năm đoạn trên là “Ngũ đại tâm chú”. Đây là chú căn bản để hủy diệt các chú thuật và đánh đuổi bọn Thiên ma cùng các quyến thuộc. Loại tâm chú này khi sử dụng thì mọi chú thuật của bọn ma đều vô hiệu. Với pháp này, tôi có thể đánh đuổi được vài triệu tiền đô, nhưng tôi không bán. Nếu quý vị có lòng thành, tôi sẽ truyền cho quý vị, hoàn toàn miễn phí.

5. Pháp Túc tai: Tất cả mọi tai ương, họa hại đều được ngăn ngừa, tránh khỏi. Chẳng hạn có ai đó rơi xuống biển, nhưng nếu người đó tụng chú Lăng Nghiêm, chắc chắn sẽ tránh được tai họa, tức là rơi tồm xuống biển nhưng không chết chìm. Có thể quý vị ở trong con tàu sẽ ra phải chìm, nhưng quý vị tụng thần chú này, tàu sẽ không chìm. Hoặc có thể đi trên chiếc máy bay hỏng hóc, nhưng nếu tụng chú Lăng Nghiêm, máy bay cũng sẽ hạ cánh an toàn. Tôi xin kể một câu

chuyện thật khó tin, lần đó tôi đi từ Miến Điện sang Thái Lan, đường bay lúc đó rất nguy hiểm. Nhưng suốt cuộc hành trình, máy bay chẳng có dấu hiệu gì là bất ổn, và chuyến đi hết sức bình yên, thuận lợi. Ngay cả viên phi công cũng lấy làm lạ: “*Tại sao chuyến bay lại được êm xuôi như thế?*”. Anh ta không biết trong suốt chặng đường đó đã có Thiên thần, Bát bộ Thiên long, và cả chư Phật, các Bồ tát, cùng hộ trì chuyến bay được an toàn, thuận lợi.

Đây là cách hành pháp Trừ họa (Tức tai). Khi có một sự cố xảy ra, nó có thể hóa lớn thành bé, và họa bé cũng dễ dàng biến mất. Thường, khi sự cố xảy ra, nó sẽ có “báo động nhưng không nguy hiểm” - nếu quý vị tụng chú Lăng Nghiêm.

Lợi ích của chú rất lớn, cho dù có bỏ ra vài năm giảng giải cũng không dứt. Ở đây, tôi chỉ nói qua vài pháp và ý nghĩa của pháp ấy thôi.

---o0o---

THẦN CHÚ PHẬT ĐÁNH THỦ LĂNG NGHIÊM

ĐỆ NHẤT

01. Nam-mô tát đát tha
02. Tô già đa da
03. A ra ha đế
04. Tam-miệu tam bồ-đà tỏa
05. Nam mô tát đát tha
06. Phật đà cu tri sắc ni sam
07. Nam-mô tát bà
08. Bột đà bột địa
09. Tát đa bệ tệ

10. Nam-mô tát đa nẳm
11. Tam-miêu tam bồ đà
12. Cu tri nẳm
13. Ta xá ra bà ca
14. Tăng già nẳm
15. Nam-mô lô kê A-La-Hán đa nẳm.
16. Nam-mô tô lô đa ba na nẳm.
17. Nam-mô ta yết rị đà dà di nẳm.
18. Nam-mô lô kê tam-miêu dà đa nẳm.
19. Tam-miêu dà ba ra
20. Đễ ba đa na nẳm.
21. Nam-mô đề bà ly sắc nỏa.
22. Nam-mô tát đà da
23. Tỳ địa da
24. Đà ra ly sắc nỏa.
25. Xá ba noa
26. Yết ra ha
27. Ta ha ta ra ma tha nẳm
28. Nam-mô bạt ra ha ma ni
29. Nam-mô nhờn dà ra da
30. Nam-mô bà dà bà đế
31. Lô đà ra da.
32. Ô ma bát đế

33. Ta hê dạ da.
34. Nam-mô bà dà bà đế
35. Na ra đã
36. Noa da
37. Bàn dá ma ha tam mộ đà da
38. Nam-mô tát yết rị đa da
39. Nam-mô bà dà bà đế
40. Ma ha ca ra da
41. Địa rị bác lặc na
42. Đà ra tỳ đà ra
43. Ba noa ca ra da.
44. A địa mục đế
45. Thi ma xá na nê
46. Bà tát nê
47. Ma đất rị đà noa
48. Nam-mô tát yết rị đa da
49. Nam-mô bà dà bà đế
50. Đa tha dà đa câu ra da
51. Nam-mô bát đầu ma câu ra da.
52. Nam-mô bạc xà ra câu ra da.
53. Nam-mô ma ni câu ra da
54. Nam-mô đà xà câu ra da
55. Nam-mô bà dà bà đế

56. Đế rị trà
57. Du ra tây na.
58. Ba ra ha ra noa ra xà da
59. Đa tha dà đa da
60. Nam-mô bà dà bà đế
61. Nam-mô A di đa bà da
62. Đa tha dà đa da
63. A ra ha đế.
64. Tam-miêu tam bồ đà da
65. Nam-mô bà dà bà đế
66. A sô bệ da
67. Đa tha dà đa da
68. A ra ha đế
69. Tam-miêu tam-bồ đà da
70. Nam-mô bà dà bà đế
71. Bệ xa xà da
72. Câu lô phệ trụ rị da
73. Bác ra bà ra xà da
74. Đa tha dà đa da.
75. Nam-mô bà dà bà đế
76. Tam bồ sư bí đa
77. Tát lân nại ra lặc xà da
78. Đa tha dà đa da

79. A ra ha đế
80. Tam-miêu tam-bồ đà da
81. Nam-mô bà dà bà đế
82. Xá kê dã mẫu na duệ
83. Đa tha dà đa da
84. A ra ha đế
85. Tam-miêu tam-bồ đà da
86. Nam-mô bà dà bà đế
87. Lặc đát na kê đô ra xà da
88. Đa tha dà đa da
89. A ra ha đế
90. Tam-miêu tam-bồ đà da
91. Đế biều
92. Nam-mô tát yết rị đa
93. Ế đàm bà dà bà đa
94. Tát đác tha dà đô
sắc ni sam
95. Tát đác đa bát đác lam
96. Nam-mô a bà ra thị đàm
97. Bác ra đế
98. Dương kỳ ra
99. Tát ra bà
100. Bộ đa yết ra ha

101. Ni yết ra ha
102. Yết ca ra ha ni
103. Bạt ra bí địa da
104. Sát đà nễ
105. A ca ra
106. Mật rị trụ
107. Bát rị đác ra da
108. Nảnh yết rị
109. Tát ra bà
110. Bàn đà na
111. Mục xoa ni
112. Tát ra bà
113. Đột sắc tra
114. Đột tất phạp
115. Bát na nễ
116. Phạt ra ni
117. Giả đô ra
118. Thất đế nẫm
119. Yết ra ha
120. Ta ha tát ra nhã xà
121. Tỳ đa băng ta na yết rị
122. A sắc tra băng xá đế nẫm
123. Na xoa sát đác ra nhã xà

124. Ba ra tát đà na yết rị
125. A sắc tra nẳm
126. Ma ha yết ra ha nhã xà
127. Tỳ đa băng tát na yết rị
128. Tát bà xá đô lô
129. Nễ bà ra nhã xà
130. Hô lam đột tất phạp
131. Nan giá na xá ni
132. Bí sa xá
133. Tất đác ra
134. A kiết ni
135. Ô đà ca ra nhã xà
136. A bát ra thị đa câu ra
137. Ma ha bác ra chiến trì
138. Ma ha điệp đa
139. Ma ha đế xà
140. Ma ha thuế đa xà bà ra
141. Ma ha bạt ra bàn đà ra
142. Bà tất nễ
143. A rị da đa ra
144. Tỳ rị câu tri
145. Thệ bà tỳ xà da
146. Bạt xà ra ma lễ đễ

147. Tỳ xá lô đa
148. Bột đặng đồng ca
149. Bạt xà ra chế hất na a giá
150. Ma ra chế bà
151. Bát ra chất đa
152. Bạt xà ra thiện trì
153. Tỳ xá ra giá
154. Phiến đa xá
155. Bệ đề bà
156. Bỏ thị đa
157. Tô ma lô ba
158. Ma ha thuế đa
159. A rị da đa ra
160. Ma ha bà ra a bác ra
161. Bạt xà ra thương yết ra chế bà
162. Bạt xà ra câu ma rị
163. Câu lam đà rị
164. Bạt xà ra hất tát đa giá
165. Tỳ địa da
166. Kiền dá na
167. Ma rị ca
168. Khuất tô mẫu
169. Bà yết ra đá na

170. Bệ lô giá na
171. Câu rị da
172. Dạ ra thố
173. Sắc ni sam
174. Tỳ chiếc lam bà ma ni giá.
175. Bạt xà ra ca na ca ba ra bà.
176. Lò xà na
177. Bạt xà ra đôn trĩ giá
178. Thuế đa giá
179. Ca ma ra
180. Sát sa thi
181. Ba ra bà.
182. Ế đế di đế
183. Mẫu đà ra
184. Yết noa.
185. Ta bệ ra sám
186. Quật phạm đô
187. Ẩn thố na mạ mạ tỏa.

---o0o---

ĐỆ NHỊ

188. Ô Hồng

189. Rị sắc yết noa
190. Bác lặc xá tất đa
191. Tát đác tha
192. Già đô sắc ni sam
193. Hổ hồng đô lô ung
194. Chiêm bà na
195. Hổ hồng đô lô ung
196. Tát đam bà na
197. Hổ hồng đô lô ung
198. Ba ra sắc địa da
199. Tam bác xoa
200. Noa yết ra
201. Hổ hồng đô lô ung
202. Tát bà dục xoa
203. Hắt ra sát ta
204. Yết ra ha nhã xà
205. Tỳ đằng băng tát na yết ra
206. Hổ hồng đô lô ung
207. Giả đô ra
208. Thi đễ nẳm
209. Yết ra ha
210. Ta ha tát ra nẳm
211. Tỳ đằng băng tát na ra

212. Hổ hồng đô lô ung
213. Ra xoa
214. Bà già phạm
215. Tát đác tha
216. Già đô sắc ni sam
217. Ba ra điêm
218. Xà kiết rị
219. Ma ha ta ha tát ra
220. Bột thọ ta ha tát ra
221. Thất rị sa
222. Câu tri ta ha tát nê
223. Đế lệ a tệt đề thị bà rị đa
224. Tra tra anh ca
225. Ma ha bạt xà lô đà ra
226. Đế rị bồ bà na
227. Man trà ra
228. Ô hồng
229. Ta tát đế
230. Bạt bà đô
231. Mạ mạ
232. Ẩn thố na mạ mạ tỏa.

---o0o---

ĐỀ TAM

233. Ra xà bà dạ
234. Chủ ra bặt dạ
235. A kỳ ni bà dạ
236. Ô đà ca bà dạ
237. Tỳ xa bà dạ
238. Xá tát đa ra bà dạ
239. Bà ra chước yết ra bà dạ
240. Đột sắc xoa bà dạ
241. A xá nê bà dạ
242. A ca ra
243. Mật rị trụ bà dạ
244. Đà ra ni bộ di kiếm
245. Ba già ba đà bà dạ
246. Ô ra ca bà đa bà dạ
247. Lặc xà đàn trà bà dạ
248. Na dà bà dạ
249. Tỳ điều đất bà dạ
250. Tô ba ra noa bà dạ
251. Dược xoa yết ra ha
252. Ra xoa tư yết ra ha
253. Tát rị đa yết ra ha

254. Tỳ xá giá yết ra ha
255. Bộ đa yết ra ha
256. Cưu bàn trà yết ra ha
257. Bồ đon na yết ra ha
258. Ca tra bồ đon na yết ra ha
259. Tất kiên độ yết ra ha
260. A bá tất ma ra yết ra ha
261. Ô đàn ma đà yết ra ha
262. Xa dạ yết ra ha
263. Hê rị bà đế yết ra ha
264. Xả đa ha rị nẳm
265. Yết bà ha rị nẳm
266. Lô địa ra ha rị nẳm
267. Mang ta ha rị nẳm
268. Mê đà ha rị nẳm
269. Ma xà ha rị nẳm
270. Xà đa ha rị nữ
271. Thị tử đa ha rị nẳm
272. Tỳ đa ha rị nẳm
273. Bà đa ha rị nẳm
274. A du giá ha rị nữ
275. Chát đa ha rị nữ
276. Đế sam tát bệ sam

277. Tát bà yết ra ha nẳm
278. Tỳ đà dạ xà
279. Sân đà dạ di
280. Kê ra dạ di
281. Ba rị bạt ra giả ca
282. Hắt rị đờm
283. Tỳ đà dạ xà
284. Sân đà dạ di
285. Kê ra dạ di
286. Trà diễn ni
287. Hắt rị đờm
288. Tỳ đà dạ xà
289. Sân đà dạ di
290. Kê ra dạ di
291. Ma ha bát du bát đác dạ
292. Lô đà ra
293. Hắt rị đờm
294. Tỳ đà dạ xà
295. Sân đà dạ di
296. Kê ra dạ di
297. Na ra dạ noa
298. Hắt rị đờm
299. Tỳ đà dạ xà

300. Sân đà dạ di
301. Kê ra dạ di
302. Đát đỏa dà lô trà tây
303. Hát rị đờm
304. Tỳ đà dạ xà
305. Sân đà dạ di
306. Kê ra dạ di
307. Ma ha ca ra
308. Ma đác rị già noa
309. Hát rị đờm
310. Tỳ đà dạ xà
311. Sân đà dạ di
312. Kê ra dạ di
313. Ca ba rị ca
314. Hát rị đờm
315. Tỳ đà dạ xà
316. Sân đà dạ di.
317. Kê ra dạ di
318. Xà dạ yết ra
319. Ma độ yết ra
320. Tát bà ra tha ta đạt na
321. Hát rị đờm
322. Tỳ đà dạ xà

323. sần ðà ðạ ðì
324. Kê ra ðạ ðì
325. Giã ðốt ra
326. Bà kỳ nẻ
327. Hắt rị ðờm
328. Tỳ ðà ðạ xà
329. Sần ðà ðạ ðì
330. Kê ra ðạ ðì
331. Tỳ rị ðương hắt rị tri
332. Nan ðà kê sa ra
333. Đà noa bác ðế
334. Sách hê ðạ
335. Hắt rị ðờm
336. Tỳ ðà ðạ xà
337. Sần ðà ðạ ðì
338. Kê ra ðạ ðì
339. Na yết na xá ra bà noa
340. Hắt rị ðờm
341. Tỳ ðà ðạ xà
342. Sần ðà ðạ ðì
343. Kê ra ðạ ðì
344. A-la-hán
345. Hắt rị ðờm

346. Tỳ đà dạ xà
347. Sân đà dạ di
348. Kê ra dạ di
349. Tỳ đa ra dà
350. Hắt rị đờm
351. Tỳ đà dạ xà
352. Sân đà dạ di
353. Kê ra dạ di
354. Bạt xà ra ba nê
355. Câu hê dạ câu hê dạ
356. Ca địa bát đế
357. Hắt rị đờm
358. Tỳ đà dạ xà
359. Sân đà dạ di
360. Kê ra dạ di
361. Ra xoa vông
362. Bà dà phạm
363. Ân thố na mạ mạ tỏa

---o0o---

ĐỆ TỨ

364. Bà dà phạm

365. Tát đác đa bát đác ra
366. Nam-mô tý đô đế
367. A tát đa na ra lặc ca
368. Ba ra bà
369. Tát phỏ tra
370. Tỳ ca tát đác đa bát đế rị
371. Thập Phật ra thập Phật ra
372. Đà ra đà ra
373. Tần đà ra tần đà ra
374. Sân đà sân đà
375. Hổ hồng hồ hồng.
376. Phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra.
377. Ta ha
378. Hê hê phấn
379. A mâu ca da phấn
380. A ba ra đề ha da phấn
381. Ba ra bà ra đà phấn
382. A tô ra
383. Tỳ đà ra
384. Ba ca phấn
385. Tát bà đề bệ tệ phấn
386. Tát bà na dà tệ phấn
387. Tát bà dược xoa tệ phấn

388. Tát bà kiền thát bà tộ phần
389. Tát bà bồ đơ na tộ phần
390. Ca tra bồ đơ na tộ phần
391. Tát bà đột lang chỉ đế tộ phần.
392. Tát bà đột sáp tỳ lê
393. Hát sắc đế tộ phần
394. Tát bà thập bà lê tộ phần
395. Tát bà a bá tất ma lê tộ phần
396. Tát bà xá ra bà noa tộ phần.
397. Tát bà địa đế kê tộ phần
398. Tát bà đát ma đà kê tộ phần
399. Tát bà tỳ đà da
400. Ra thệ giá lê tộ phần
401. Xà dạ yết ra
402. Ma độ yết ra
403. Tát bà ra tha ta đà kê tộ phần.
404. Tỳ địa dạ
405. Giá lê tộ phần
406. Giả đô ra
407. Phục kỳ nễ tộ phần
408. Bạt xà ra
409. Câu ma rị
410. Tỳ đà dạ

411. La thê tộ phần
412. Ma ha ba ra đĩnh dương
413. Xoa kỳ rị tộ phần
414. Bạt xà ra thương yết ra dạ
415. Ba ra trượng kỳ ra xà da phần
416. Ma ha ca ra dạ
417. Ma ha mặt đất rị ca noa
418. Nam-mô ta yết rị đa da phần.
419. Tỷ sắc noa tỷ duệ phần
420. Bột ra ha mâu ni duệ phần
421. A kỳ ni duệ phần
422. Ma ha yết rị duệ phần
423. Yết ra đàn tri duệ phần
424. Miệch đất rị duệ phần
425. Lao đất rị duệ phần
426. Giá vãn trà duệ phần
427. Yết la ra đác rị duệ phần.
428. Ca bát rị duệ phần
429. A địa mục chất đa
430. Ca thi ma xá na
431. Bà tư nê duệ phần
432. Diễn kiết chất
433. Tát đỏa bà tỏa

434. Mạ mạ ần thổ na mạ mạ tủa.

---o0o---

ĐỆ NGŨ

435. Đột sắc tra chất đa

436. A mặt đác rị chất đa

437. Ô xà ha ra

438. Đà ba ha ra

439. Lô địa ra ha ra

440. Ta bà ha ra

441. Ma xà ha ra

442. Xà đa ha ra

443. Thị tử đa ha ra

444. Bạt lược dạ ha ra

445. Kiền đà ha ra

446. Bồ sử ba ha ra

447. Phả ra ha ra

448. Bà tả ha ra

449. Bát ba chất đa

450. Đột sắc tra chất đa.

451. Lao đà ra chất đa

452. Dược xoa yết ra ha
453. Ra sát ta yết ra ha
454. Bể lệ đa yết ra ha
455. Tỳ xá giá yết ra ha
456. Bộ đa yết ra ha
457. Cưu bàn trà yết ra ha
458. Tát kiên đà yết ra ha
459. Ô đát ma đà yết ra ha
460. Xa dạ yết ra ha
461. A bá tát ma ra yết ra ha.
462. Trạch khê cách
463. Trà kỳ ni yết ra ha
464. Rị Phật đế yết ra ha
465. Xà di ca yết ra ha
466. Xá câu ni yết ra ha
467. Lao đà ra
468. Nan địa ca yết ra ha
469. A lam bà yết ra ha
470. Kiên độ ba ni yết ra ha
471. Thập phạt ra
472. Yên ca hê ca
473. Trị đế dược ca
474. Đát lệ đế dược ca

475. Giả đột thác ca
476. Ni đề thập phạt ra
477. Tỉ sam ma thập phạt ra
478. Bạt đề ca
479. Tỷ đề ca
480. Thất lệ sắc mật ca
481. Ta nễ bát đề ca
482. Tát bà thập phạt ra
483. Thất lô kiết đế
484. Mạt đà bệ đạt lô chế kiếm
485. A ỷ lô kiếm
486. Mục khô lô kiếm
487. Yết rị đột lô kiếm
488. Yết ra ha
489. Yết lam yết noa du lam
490. Đản đa du lam
491. Hắt rị dạ du lam
492. Mạt mạ du lam
493. Bạt rị thất bà du lam
494. Tỷ lật sắc tra du lam
495. Ô đà ra du lam
496. Yết tri du lam
497. Bạt tất đế du lam

498. Ô lô du lam
499. Thường đà du lam
500. Hắc tất đa du lam
501. Bạt đà du lam
502. Ta phòng án đà
503. Bát ra trượng đà du lam
504. Bộ đa tử đa trà
505. Trà kỳ ni
506. Thập bà ra
507. Đà đột lô ca
508. Kiến đốt lô kiết tri
509. Bà lộ đa tỳ
510. Tất bát lô
511. Ha lãng già
512. Du sa đát ra
513. Ta na yết ra
514. Tỳ sa dụ ca
515. A kỳ ni
516. Ô đà ca
517. Mạt ra bộ ra
518. Kiến đa ra
519. A ca ra
520. Mạt rị đốt

521. Đát liễm bộ ca
522. Địa lật lặc tra
523. Tỷ rị sắc chất ca
524. Tát bà na câu ra
525. Tứ dẫn dà tê
526. Yết ra rị dược xoa
527. Đác ra sô
528. Mạt ra thị
529. Phệ đế sam
530. Ta bệ sam
531. Tất đát đa bát đác ra
532. Ma ha bạt xà lô
533. Sắc ni sam
534. Ma ha bát lặc trượng kỳ lam
535. Dạ ba đột đà
536. Xá dụ xà na
537. Biện đát lệ noa
538. Tỷ đà da
539. Bàn đàm ca lô di
540. Đế thù
541. Bàn đàm ca lô di
542. Bát ra tỷ đà
543. Bàn đàm ca lô di

- 544. Đát diệt tha
- 545. Án
- 546. A na lệ
- 547. Tỳ xá đề
- 548. Bệ ra
- 549. Bạt xà ra
- 550. Đà rị
- 551. Bàn đà bàn đà nễ
- 552. Bạt xà ra bán ni phần
- 553. Hổ hồng đô lô ung phần
- 554. Ta bà ha.

Kinh văn:

A Nan, những câu vi diệu, những kệ bí mật Tát đát đa, bát đát la của hóa thân từ hào quang nơi đỉnh Phật, sinh ra tất cả các Phật khắp mười phương. Thập phương Như Lai nhân chú tâm này mà được thành vô thượng chánh biến tri giác.

Giải thích:

A Nan, những câu vi diệu, những kệ bí mật Tát đát đa, bát đát la của hóa thân từ hào quang nơi đỉnh Phật. Trước câu “Tát đát đa, bát đát la” còn có hai chữ Ma ha – nghĩa là lớn. Hán dịch: Đại bạch tán cái, tức Lọng trắng lớn. Cái lọng này có bao trùm các chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới. “Kệ” là đoạn lặp lại (trùng tụng). Chú là mật ngữ, gồm nhiều câu nối tiếp nên gọi là kệ bí mật.

Bài chú này **sinh ra tất cả các Phật khắp mười phương.** Do đó, chú Lăng Nghiêm còn gọi là “*mẹ của chư Phật*”.

Thập phương Như Lai nhân chú tâm này mà được thành vô thượng chánh biến tri giác. Do chú Lăng Nghiêm mà các Đức Phật được

chánh biến tri. Chánh biến tri là sự biết từ tâm ứng khởi với mật pháp, cũng tức là mật pháp xuất hiện từ tâm.

Kinh văn:

Mười phương Như Lai nắm chú tâm này, trấn áp các ma, chế phục các ngoại đạo.

Giảng giải:

Tâm chú, tức chú Lăng Nghiêm, được tuyên thuyết từ hóa thân Phật ngồi trên sen báu trong ánh hào quang từ đỉnh Phật Thích Ca. **Mười phương Như Lai nắm chú tâm này, trấn áp các ma, chế phục các ngoại đạo.** Đây là tâm chú, và là tâm chú của các Phật nên các Thiên ma và hàng ngoại đạo tà kiến đều sợ hãi lánh xa thần chú này.

Kinh văn:

Mười phương Như Lai hành tâm chú này, ngôi tòa sen báu, ứng hiện trong các cõi nước như số vi trần.

Giảng giải:

Mười phương Như Lai hành tâm chú này. Nhờ vào thần chú, tức uy lực của tâm chú, và **ngôi tòa sen báu** rất nhiều hoa. **Ứng hiện trong các cõi nước như số vi trần.** Hóa thân Như Lai thị hiện trong khắp các cõi nước nhiều như số vi trần, đây là uy lực của tâm chú Lăng Nghiêm.

Kinh văn:

Mười phương Như Lai, ngậm tâm chú này, nơi cõi nước như số vi trần, chuyển bánh xe pháp lớn.

Giảng giải:

Khi **mười phương Như Lai, nơi cõi nước như số vi trần, chuyển bánh xe pháp lớn,** thấy đều nhờ vào thần chú, và **ngậm tâm chú này.**

Kinh văn:

Mười phương Như Lai giữ tâm chú này, có thể nơi mười phương xoa đảnh thọ ký. Tự mình quả vị chưa thành, cũng có thể nơi mười phương mong nhờ Phật thọ ký.

Giảng giải:

Mười phương Như Lai giữ tâm chú này, tiếp thụ và giữ tâm chú, có thể nơi mười phương xoa đánh thọ ký, mọi người được dự báo sẽ được thành Phật. Tự mình quả vị chưa thành, cũng có thể nơi mười phương mong nhờ Phật thọ ký. Nếu các ông chưa có quả vị, Phật cũng sẽ xoa lên đầu các ông và dự báo sẽ thành Phật.

Kinh văn:

Mười phương Như Lai nương tâm chú này, có thể nơi mười phương cứu vớt các khổ, như là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mù, điếc, ngọng, câm; các khổ oán tắng hội, ái biệt ly, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh, các nạn lớn nhỏ đồng thời được giải thoát; nạn giặc nạn binh, nạn vua, nạn ngục, nạn gió, lửa, nước, những đói, khát, bần cùng liền được tiêu tán.

Giảng giải:

Mười phương Như Lai nương tâm chú này, có thể nơi mười phương cứu vớt các khổ.

1. Sinh
2. Tuổi già
3. Đau bệnh
4. Chết
5. Yêu nhau phải xa cách.
6. Phải gần gũi với người mình oán ghét.
7. Cầu chẳng được.
8. Khổ do thân tâm (năm ấm) sinh trưởng quá mạnh.

Ngoài ra còn có tám nỗi khổ khác:

1. Khổ của địa ngục
2. Khổ của quý đói
3. Khổ của loài vật
4. Khổ vì đui, điếc, hoặc câm
5. Khổ vì sinh nơi Bắc cầu ly châu
6. Khổ vì sinh vào lúc thế gian không có Phật
7. Khổ vì tranh luận tri thức và khả năng trong thế gian

8. Khổ vì tái sinh vào cõi trời thọ mạng quá lâu dài.

Chúng sinh trong cõi Bắc câu ly châu (Uttarakuru) có thọ mạng rất lâu, đời sống trung bình cả ngàn tuổi. Cư dân nơi đây rất an lạc, bình đẳng; khổ ở đây là không được thấy Phật, nghe pháp, hoặc có được Tăng già. Do đó, sống ở đó cũng là một trong tám nỗi khổ. Sự thật, chúng sinh nơi các cõi trời, mặc dù có thọ mạng lâu dài, nhưng nếu không gặp được Tam bảo thì cũng xem là khổ vậy.

“*Tranh luận về tri thức và khả năng trong thế gian*” bao hàm nhiều lĩnh vực kiến thức khác nhau, chẳng hạn phạm khoa học. Họ cố gắng trình bày, giải thích những nguyên tắc vô nguyên tắc, và lý do thì không đầu vào đầu.

Như là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mù, điếc, ngọng, câm đều thuộc tám nỗi khổ.

Các khổ oán tắng hội. Quý vị không ưa người nào đó và muốn tránh đi, tìm nơi khác, nhưng rồi lại gặp phải người đáng chán như trước đó. Hoặc như **ái biệt ly**, quý vị đặc biệt yêu thích người nào, nhưng vì hoàn cảnh bắt buộc phải xa lìa họ. **Cầu bất đắc** là tìm không được điều như ý, tâm sinh ra thất vọng, khổ não. **Ngũ ấm xí thạnh.** Năm ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, khi thịnh thì bùng lên như lửa cháy.

Các nạn lớn nhỏ đồng thời được giải thoát, có thể đó là sự đột tử, hoặc tai nạn xe cộ, hoặc bị sát hại... Những khổ khác như **nạn giặc nạn binh, nạn vua, nạn ngục, nạn gió, lửa, nước, những đói, khát, bần cùng** liền được tiêu tán.

Kinh văn:

Mười phương Như Lai theo tâm chú này, có thể nơi mười phương phụng sự các thiện tri thức, trong bốn uy nghi cúng dường được như ý, trong pháp hội hằng sa Như Lai, được suy tôn là Đại pháp vương tử.

Giảng giải:

Mười phương Như Lai theo tâm chú này, có thể nơi mười phương phụng sự các thiện tri thức. Các bậc thiện tri thức đều được cúng dường và phụng sự. **Trong bốn uy nghi cúng dường được như ý**, khi hành lễ Tam bảo, họ đều thực hiện theo đúng pháp. **Trong pháp hội hằng sa Như Lai, được suy tôn là Đại pháp vương tử.** trong pháp hội hằng sa Như Lai,

được suy tôn là Đại pháp vương tử. Đây là những môn đồ ưu việt của Đức Phật.

Kinh văn:

Mười phương Như Lai dùng tâm chú này, có thể nơi mười phương nhiếp thụ các thân nhân, khiến cho các hàng Tiểu thừa nghe kinh được tạng bí mật, chẳng sinh lòng kinh sợ.

Giảng giải:

Mười phương Như Lai dùng tâm chú này, có thể nơi mười phương nhiếp thụ các thân nhân. Đức Phật có sáu loại quyền thuộc, đây là những người đầu tiên học đạo và được gần gũi Phật. Tại sao khi Đức Phật Thích Ca thành đạo xong, Ngài liền đi đến vườn Nai để gặp lại năm vị Tỳ kheo? Những vị Tỳ kheo ấy nguyên là quyền thuộc của Phật từ trong đời quá khứ và trong đời hiện tại. Họ đều được Phật dạy. **Khiến cho các hàng Tiểu thừa, đây là những quyền thuộc của họ chìm đắm trong các pháp Tiểu thừa, nghe kinh được tạng bí mật, chẳng sinh lòng kinh sợ.** Khi được nghe tạng bí mật của Phật, tức giáo pháp Đại thừa, họ sẽ không còn sợ hãi.

Kinh văn:

Mười phương Như Lai tụng tâm chú này, thành đạo vô thượng, ngồi dưới cây Bồ đề, vào Đại Niết bàn.

Giảng giải:

Mười phương Như Lai tụng tâm chú này. Làm thế nào các Như Lai trong mười phương trở thành Phật? Đây là do tụng tâm chú này. “Tụng” có nghĩa là lặp lại từ trí nhớ chứ không phải nhìn vào sách đọc. **Thành đạo vô thượng, ngồi dưới cây Bồ đề và thành vị Phật vì tụng tâm chú này và vào Đại Niết bàn.**

Kinh văn:

Mười phương Như Lai truyền tâm chú này, sau khi diệt độ thì phó chúc pháp sự của Phật, được trụ trì rốt ráo, giới luật nghiêm tịnh, thầy đều được trong sạch.

Giảng giải:

Mười phương Như Lai truyền tâm chú này, sau khi diệt độ thì phó chúc pháp sự của Phật, được trụ trì rất ráo. Sau khi Phật vào Niết bàn, mọi người đều y theo pháp tu tập và phụng sự Phật pháp, **giới luật nghiêm tịnh, thấy đều được trong sạch**, nhờ vào uy lực của chú mà mọi người đều được trong sạch và trọn vẹn.

Kinh văn:

Nếu ta nói chú Phật đĩnh quang tụ Bát đất la này, từ sáng đến tối, các tiếng nói nhau, trong đó có những chữ, những câu cũng không trùng điệp, trải qua kiếp số như cát sông Hằng, rốt cùng không thể dứt hết.

Giảng giải:

Nếu ta nói chú Phật đĩnh quang tụ Bát đất la này, từ sáng đến tối, các tiếng nói nhau, trong đó có những chữ, những câu cũng không trùng điệp câu chú Bát đất la liên hệ với chú Lăng Nghiêm, đây là chú kiên cố, là chú Đại Bạch Tán Cái. **Trải qua kiếp số như cát sông Hằng, rốt cùng không thể dứt hết.** Tôi không sao giảng giải cho hết công đức và sự kỳ diệu của tâm chú Lăng Nghiêm được.

Kinh văn:

Chú này cũng gọi tên là Như Lai đảnh.

Giảng giải:

Chú này cũng gọi tên là Như Lai đảnh. Đây là tên gọi của bài chú.

Kinh văn:

Hàng hữu học các ông chưa dứt được luân hồi, phát lòng chí thành tu chứng quả A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề, nếu không trì chú này mà ngồi vào đạo tràng, mong muốn cho thân tâm xa rời được các ma sự thì không thể được.

Giảng giải:

Hàng hữu học các ông chưa dứt được luân hồi vẫn bị vây hãm trong sáu nẻo luân hồi sanh tử, và **phát lòng chí thành tu chứng quả A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề**, ông muốn đạt được quả vị A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề. Nhưng nếu không trì chú này mà ngồi vào đạo tràng, mong muốn cho thân tâm xa rời được các ma sự thì không thể

được. Như ông muốn được thành A-la-hán hoặc muốn ngồi vào đạo tràng để thành Phật, thân tâm xa lìa ma sự nhiễu loạn mà không trì thần chú này thì không thể được.

Kinh văn:

A Nan, nếu trong các thế giới có các chúng sanh, tùy cõi nước mình sinh ra, như vỏ cây hoa, lá cây bổi, hoặc như giấy trắng, thảm trắng, dùng để bên chép chú này, đựng trong túi thơm; nếu người đó tối tăm, tụng chưa nhớ được, nhưng hoặc đeo trên người, hoặc viết trong nhà ở, thì nên biết là người ấy trọn đời, tất cả các thứ độc không thể hại được.

Giải thích:

Đây là Luận về chức năng của chú. **A Nan, nếu trong các thế giới có các chúng sanh.** Chỉ chung cho các chúng sanh trong cõi này và tất cả các thế giới khác. **Tùy cõi nước mình sinh ra,** có thể đó là nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật, Trung Quốc, Ấn Độ, Thái, Miến Điện, Tích Lan, hoặc một khu vực nào khác. Họ có thể viết trên các loại **như vỏ cây hoa, lá cây bổi, hoặc như giấy trắng, thảm trắng, dùng để bên chép chú này.** Vật liệu dùng để viết không phải là vấn đề quan trọng, và người ta có thể viết một cách cẩn thận, kính cẩn, hoặc viết tháo cho nhanh. Sau đó **đựng trong túi thơm; nếu người đó tối tăm, tụng chưa nhớ được, nhưng hoặc đeo trên người, hoặc viết trong nhà ở, thì nên biết là người ấy trọn đời, tất cả các thứ độc không thể hại được.** Nếu người đó không có trí nhớ tốt, hoặc đầu óc mơ hồ không tụng chú được thuận lợi, họ có thể viết chú, cho vào túi nhỏ đeo bên người, hoặc treo trên tường nhà. Làm được vậy, người đó suốt đời không bị độc hại.

Kinh văn:

A Nan, nay ta vì ông tuyên lại chú này, cứu giúp trong thế gian được đại vô úy, thành tựu trí xuất thế gian cho chúng sanh.

Giải thích:

A Nan, nay ta vì ông tuyên lại chú này, tức là chú Lăng Nghiêm, cứu giúp trong thế gian được đại vô úy, thành tựu trí xuất thế gian cho chúng sanh. Thực hiện trọn vẹn những mong muốn của các chúng sanh, nhưng quan trọng nhất là giúp mọi người được thành tựu trí xuất thế gian.

Kinh văn:

Nếu như sau khi ta diệt độ rồi, chúng sanh trong đời mạt pháp, có người tự mình biết tụng, hoặc dạy người khác tụng chú này, nên biết những chúng sanh trì tụng như vậy, lửa sẽ không đốt được, nước không đắm được, các độc lớn độc nhỏ đều không hại được.

Giải thích:

Nếu như sau khi ta diệt độ rồi, chúng sanh trong đời mạt pháp kể cả mọi người chúng ta nơi đây. **Có người tự mình biết tụng, hoặc dạy người khác tụng chú này, nên biết những chúng sanh trì tụng như vậy, lửa sẽ không đốt được.** Người đó có thể tụng chú theo trí nhớ, hoặc chỉ dạy cho người khác cũng theo trí nhớ. Người tụng chú theo trí nhớ hoặc đọc theo ghi chép, người đó sẽ không bị nạn lửa thiêu đốt, và **nước không đắm được, các độc lớn độc nhỏ đều không hại được.**

Kinh văn:

Như vậy, cho đến các hàng thiên, long, quỷ, thần, tinh, kỳ, ma, mị, có những chú dữ đều chẳng làm gì được. Tâm người ấy được chính thụ, tất cả mọi chú trớ, yểm cổ, thuốc độc, kim độc, ngân độc, những độc khí vạn vật như cỏ, cây, sâu, rắn, vào miệng người ấy đều thành vị cam lộ.

Giải thích:

Như vậy, cho đến các hàng thiên, long, quỷ, thần, tinh, kỳ, ma, mị, có những chú dữ đều chẳng làm gì được. Tất cả mọi loài ma quỷ đều dùng chú trớ. Có năm đoạn chú mà tôi đã nói qua, đó là:

- Chr Two Ni
- E Jya La
- Mi Li Ju
- Bwo Li Dan La Ye
- Ning Jye Li.

Biểu hiện cho năm phương, năm bộ và năm vị Phật. Đây là “*ngũ đại tâm chú*”. Quý vị không nên xem thường. Tâm chú ấy là của chư Phật trong năm phương, nó có công năng hủy diệt mọi chú trớ của các loài ma quỷ. **Tâm người ấy được chính thụ.** Khi quý vị tụng chú Lăng Nghiêm, quý vị sẽ được chánh định. **Tất cả mọi chú trớ, mọi chú thuật của Thiên ma và**

quyền thuộc đều không thể gây hại cho quý vị. **Yếm cổ**, đây là một loài phù chú ở khu vực Đông Nam Trung Quốc, hoặc Đông Nam Châu Á như Miến Điện, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore, Malaysia và các nơi khác. Phù chú sử dụng gọi là “Cổ” (Làm cho mê hoặc, đờ đẫn), căn bản là chú thuật. Nếu quý vị ăn phải loài độc đó, quý vị hoàn toàn không lệ thuộc họ, phải làm những gì họ sai khiến, nếu chống lại chỉ có nước chết. Ở Australia, trong các vùng núi, có tôn giáo đã dùng chú thuật thu nhỏ đầu người cõ quả trứng, và họ trưng bày như biểu hiện uy lực của phù thủy vậy. Trong thế giới mê mông này có rất nhiều sự việc siêu nhiên. Quý vị đừng cho rằng mình không thấy thì dứt khoát không tin là nó có thực. Nếu ai đó không tin thì thực là ngu ngốc! Tại sao tôi lại nói vậy? Có nhiều sự việc quý vị không bao giờ nhìn thấy được, còn như muốn tìm hiểu, chứng kiến tận mắt rồi mới tin thì e là đến cuối đời mình cũng không biết được. Trước khi nước Mỹ tìm được tìm thấy, đã có người biết khu vực ấy là hiện hữu, nếu như quý vị gặp ai đó và cố gắng giải thích rằng có một lục địa khác, cũng có núi có sông, có cư dân, thì chắc chắn họ sẽ không tin. Thế nhưng, cho dù họ có không tin từ xứ sở Mỹ vẫn hiện hữu ở nơi xa xôi kia. Cũng vậy, quý vị không tin vào những chuyện lạ vì cho là vô lý, nhưng thực sự không phải vậy. Chúng ta thường phủ nhận những gì mình không chứng kiến, căn bản là vì quý vị không nhận thức rõ về sự thực thế giới này.

Một người bị yếm cổ trù dập thì khó lòng thoát khỏi, còn như chống lại ắt sẽ chết. Sự độc hại của yếm cổ cùng với **thuốc độc, kim độc, ngân độc, những độc khí vạn vật như cỏ, cây, sâu, rắn, vào miệng người ấy** – tức những người tụng chú Lăng Nghiêm sẽ **đều thành vị cam lộ**.

Nếu quý vị đề nghị: Tôi muốn thử nghiệm điều ấy. Quý vị vẫn chưa thực sự tụng chú Lăng Nghiêm, khi nào quý vị bắt tay thực hiện và thấy có hiệu quả kỳ diệu, khi ấy chúng ta có thể thử nghiệm được; còn như chưa đạt đến độ ấy thì không nên.

Kinh văn:

Tất cả ác tinh cùng với các quỷ thần, lòng dữ hại người, đối với người ấy cũng không thể khởi lên niệm ác. Tàn Na Dạ Ca và các quỷ vương khác, cùng với quyền thuộc, đều nhận lấy ân sâu, thường giữ gìn ủng hộ.

Giảng giải:

Đoạn trước có nói về các loại độc khi vào miệng người trì tụng chú Lăng Nghiêm thì nó thành vị cam lồ. Căn bản là những loại độc đó đã biến đổi vị, sự biến đổi ấy là do người trì tụng chú Lăng Nghiêm. **Tất cả ác tinh** liên hệ với nhiều sao dữ như Trư Đầu và Bạch Hổ tinh, hoặc sao Tượng Ti rất xấu, có thể gây chết người. Nhưng các loại sao ấy không thể gây hại, **cùng với các quỷ thần, lòng dữ hại người.** Có người nói họ không tin có quỷ. Họ không thấy nên không tin, nếu nhìn thấy, họ không thể không tin, cho dù có không muốn tin cũng phải tin thôi. Lòng dữ là một loại thuốc độc rất nguy hại, nhưng nó có ngấm vào tim một người trì chú Lăng Nghiêm cũng sẽ chẳng gây hại gì, cho nên **đối với người ấy cũng không thể khởi lên niệm ác.** Sự độc hại trong tim người đó đã được chuyển hóa.

Tần Na Dạ Ca (Vinayaka) được nói đến trong phần Bồ đề đạo tràng, đây là vị quỷ thần thường hiện thân mình người, đầu heo hoặc đầu voi, trông rất dữ dằn, xấu xí. **Và các quỷ vương khác, cùng với quyến thuộc, đều nhận lấy ân sâu, thường giữ gìn ủng hộ.** Các quỷ vương và thần Hộ pháp thấm nhuần lòng từ sâu xa của Phật trong quá khứ nên thấy đều ra sức gìn giữ, bảo hộ người tụng chú Lăng Nghiêm này.

Kinh văn:

A Nan, nên biết chú này thường có tám mươi bốn nghìn na do tha hằng sa câu chi chủng tộc Kim Cang Tạng vương Bồ tát. Mỗi mỗi đều có các chúng Kim Cang làm quyến thuộc, đêm ngày theo hầu.

Giải thích:

Na do tha là một trong mười bốn số lớn nhất trong ngôn ngữ Sanskrit. Có người nói na do tha bằng một tỉ tỉ, người khác cho là mười tỉ tỉ. Nhìn chung đó là con số rất lớn. Hằng sa câu chi tương đương một tỉ tỉ. Không chỉ Kim Cang Tạng vương Bồ tát hộ trì thần chú, mà các quyến thuộc của Kim Cang cũng đều tham gia bảo hộ. Đêm cũng như ngày luôn theo giúp người tụng chú Lăng Nghiêm.

Lời nguyện của các Bồ tát như sau:

- Nam mô mười phương Phật
- Nam mô mười phương Pháp
- Nam mô mười phương Tăng
- Nam mô Phật Thích Ca Mâu Ni
- Nam mô Phật đảnh tối thắng thủ Lăng Nghiêm.

- Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát.
- Nam mô Kim Cang Tạng Bồ tát.

Tám mươi bốn nghìn là chỉ số lượng lớn, có nhiều vô số. Thực sự, không chỉ có Kim Cang Tạng Bồ tát và các quyến thuộc, mà còn rất nhiều Bồ tát khác cũng theo bảo hộ.

Kinh văn:

Giả như có chúng sanh với tâm tán loạn chứ không phải tam ma địa, tâm nhớ niệm trì chú này thì các Kim Cang Vương cũng thường theo bên thiện nam tử kia, huông hồ là người có tâm Bồ đề quyết định; các vị Kim Cang Tạng vương Bồ tát đó sẽ dụng tinh tâm thâm xúc tiến phát huy thần thức.

Giải giảng:

Giả như có chúng sanh với tâm tán loạn tư tưởng rời rạc, không tập trung được, **chứ không phải tam ma địa** (tâm niệm định chỉ), nhưng **tâm nhớ niệm trì chú này**, người ấy nhớ đọc chú Lăng Nghiêm của Phật, **thì các Kim Cang Vương, các vị Bồ tát, cũng thường theo bên thiện nam tử kia**, tức những người tâm tán loạn nhưng tụng thần chú này, **huông hồ là người có tâm Bồ đề quyết định**, người có tâm Bồ đề kiên cố sẽ được các vị **Kim Cang Tạng vương Bồ tát đó sẽ dụng tinh tâm thâm xúc tiến phát huy thần thức** các Bồ tát sẽ âm thầm giúp đỡ và họ sẽ làm gì? Đây là giúp quý vị phát huy trí tuệ, ý thức tán mạn của quý vị dần dần được tập trung và chú định, sau đó sẽ đạt được khả năng thiền tịnh. Sự gia hộ, giúp đỡ của các Bồ tát đều âm thầm, không thể thấy biết được.

Kinh văn:

Người ấy liền khi đó, tâm nhớ lại được tám mươi bốn nghìn Hằng hà sa kiếp rõ biết khắp cùng, được không nghị hoặc.

Giải giảng:

Khi Kim Cang Tạng vương Bồ tát thâm giúp người ấy phát huy trí tuệ thì **người ấy liền khi đó, tâm nhớ lại được tám mươi bốn nghìn Hằng hà sa kiếp rõ biết khắp cùng, được không nghị hoặc**. Họ hiểu biết rất rõ những sự việc xảy ra trong suốt quá khứ rất lâu xa. Trí không còn nghi ngờ. Điều ấy có nghĩa họ được định trong đời sống quá khứ, biết những gì đã xảy ra trong quá khứ.

Kinh văn:

Từ kiếp thứ nhất cho đến kiếp cuối cùng, đời đời người ấy đều không sinh vào các loại Dược Xoa, La Sát, Phú Đan Na, Ca Tra Phú Đan Na, Cưu Bàn Trà, Tỳ Xá Già cùng các loài quỷ, có hình không hình, có tướng, không tướng, và những nơi dữ như thế.

Giải thích:

Từ kiếp thứ nhất cho đến kiếp cuối cùng, tức là đến khi thành Phật. **Đời đời người ấy đều không sinh vào các loại Dược Xoa**. Họ vẫn còn tới lui sanh tử, nhưng không sanh vào các nẻo dữ như Dược Xoa (Yakshas), Tiệp Tật quỷ. Cũng không sinh vào **La Sát** (Rakshashas), một loài quỷ dữ ăn thịt người. Khi có người chết, loài quỷ này dùng bùa chú làm cho xác chết thành thịt tươi sống và ăn lấy. Họ cũng tránh phải vào đường **Phú Đan Na** (Putanas), xú ác quỷ. Nếu quý vị gặp phải loài quỷ này, quý vị sẽ phát sốt ngay. Người ấy cũng không sinh làm **Ca Tra Phú Đan Na** (Kataputanas), loài quỷ có mùi cực thối. Đây là mùi hôi thối cực mạnh, chắc chắn là quý vị chưa từng biết đến. Nếu gửi phải sẽ bị nôn tháo tức khắc. Loài quỷ này cũng là nguyên nhân gây nên cảm sốt, cơn nóng sốt lên đến 120 độ hoặc cao hơn, sức nóng có thể đốt cháy cả xương người.

Người đó không sinh làm **Cưu Bàn Trà** (Kumbhandas), còn gọi là quỷ bí đao, loài quỷ chuyên hút tinh khí người. Khi quý vị ngủ, chúng hiện đến và hút lấy tinh khí, làm cho tê liệt đi. Quý vị có mở mắt ra tìm thì cũng chẳng động đậy hay nói năng gì được. Loài quỷ này rất hung dữ, chúng có thể giết người và hút lấy tinh lực. Nếu một người có dương khí thịnh, chúng quay sang hút âm khí. Thế nào là dương? Dương ở con người có nghĩa luôn luôn hạnh phúc, thực sự hạnh phúc trong tự tánh của quý vị, đây là kinh nghiệm cực hỷ trong tánh sở hữu. Còn như tự tánh của mình lúc nào cũng lo buồn, rầu rĩ, bị nhiều áp lực, luôn chịu nhiều đau khổ dày vò, thì đó là âm. Âm là thuộc tính của quỷ. Dương là thuộc tinh thần. Ưu thế của dương là tinh thần, ưu thế của âm là quỷ. Người tu học Phật có lực dương trong sạch và nhẹ nhàng. Đối với một người quá thịnh âm thì lực hắc ám. Người thiện họ có luồng khí trắng vây quanh, người xấu, ác thì quanh họ chỉ là hắc ám, đen tối.

Người tụng thần chú này cũng không sinh làm **Tỳ Xá Già...Tỳ Xá Già** (Pishachas) là loài quỷ ăn khí huyết con người. Đây là loài quỷ cực hung ác không có chút lương thiện. Hầu hết, quỷ là loài xấu, là ác, nhưng trong số

cũng có quý nhân từ như Bồ tát, chẳng hạn như quý vương ra sức trừng trị các quý khác.

Họ không sinh vào **cùng các loài ngạ quỷ**. Đây là loại quý đói, có loài quý bụng rất to, có loài quý cổ họng nhỏ như cây kim. **Có hình, không hình**, vài loại có thân hình, có loại không thể nhìn thấy – chúng không có thân hiện thực. Loài quý ấy vô hình nhưng có ý thức, chúng ta không thể thấy. Nhưng nếu quý vị có ngũ nhãn (năm loại mắt: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn) và lục thông (sáu loại thần thông: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông...), ắt sẽ dễ dàng nhận thấy chúng. **Có tướng, không tướng**, có vài loại khả dĩ suy tưởng, có loại không thể nghĩ tưởng, chúng như gỗ, như đá. Và một người trì tụng chú Lăng Nghiêm sẽ không sinh vào **những nơi dữ như thế**, từ đời này cho đến đời sau, họ không bao giờ sinh vào các nơi có quý đói, hoặc các loài quý khác.

Kinh văn:

Thiện nam tử đó, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc viết, hoặc chép, hoặc đeo, hoặc giữ, hoặc dùng nhiều cách cúng dường thần chú này thì kiếp kiếp không sinh vào các nơi bần cùng hạ tiện, không thể ưa thích.

Giảng giải:

Thiện nam tử đó, hoặc đọc chú từ sách, hoặc tụng theo trí nhớ, **hoặc viết** cẩn thận, **hoặc chép, hoặc đeo** bên mình người ấy, **hoặc giữ** lại trong nhà, **hoặc dùng nhiều cách cúng dường thần chú này**, cúng dường chú Lăng Nghiêm do Hóa thân Phật tuyên thuyết, tốt nhất là dùng các loại hương, hoa, đèn, nến, trái cây, Như vậy **thì kiếp kiếp không sinh vào các nơi bần cùng hạ tiện, không thể ưa thích**. Tôi từng nói, nếu quý vị nhớ rõ chú Lăng Nghiêm, tức tâm trí thông thuộc từng câu chữ thì khi trì chú, quý vị sẽ vào được chánh định (Samadhi). Tụng đọc được một cách lưu loát, trôi chảy, ít nhất quý vị cũng có được sức khỏe trong bảy đời. Nếu quý vị liên tục tụng chú như vậy từ đời này đến đời sau, quý vị sẽ có sức khỏe trong bảy đời, hoặc bảy trăm, hoặc bảy nghìn, hoặc cả bảy triệu đời đều có được sức khỏe. Hẳn nhiên cũng không phải là cố định như vậy. Khi quý vị muốn mình là người khỏe mạnh rất nhiên sẽ được. Có khi quý vị cảm thấy đầy đủ và hài lòng về chính mình, bởi vì các tỳ phú cũng có vấn đề riêng của họ mà chúng ta không thích. Khi quý vị có thể thành Phật, và một khi đã thành Phật rồi thì chẳng còn vấn đề gì. Đây là:

Trong trạng thái như nhiên bất động.

Người mãi luôn người sáng rõ ràng.

Một người trì chú và trân trọng bằng mọi cách sẽ không sinh vào các nẻo khổ, không có ưa thích. Quý vị không thể sa vào các nẻo như vậy, cho dù có muốn cũng không được. Tại sao? Đây là do chú Lăng Nghiêm thúc đẩy, nhắc nhở quý vị không được vào đường xấu, ác như thế.

Kinh văn:

Các chúng sinh đó, cho dù chính mình không tầm việc phúc, mười phương Như Lai có các công đức đều ban cho những người như thế.

Giảng giải:

Các chúng sinh đó, tụng và trì chú Lăng Nghiêm, cho dù chính mình không tầm việc phúc, họ không bao giờ làm các việc thiện, hoặc có được niềm vui, khi ấy, **mười phương Như Lai có các công đức đều ban cho những người như thế.** Tại sao phải làm như vậy? Vì đó là những người tụng chú Lăng Nghiêm, hoặc đọc, hoặc biên chép. Họ không được may mắn, các Phật trong mười phương sẽ ban cho họ.

Kinh văn:

Do vậy, họ được trong những kiếp hằng sa A tăng kỳ không thể nói, không kể xiết, thường cùng chư Phật đồng sinh một chỗ, vô lượng công đức nhóm lại như quả ác xoa, cùng một chỗ huân tu, hằng không phân tán.

Giảng giải:

Do vậy, họ được trong những kiếp hằng sa A tăng kỳ không thể nói, không kể xiết, thường cùng chư Phật. Hằng sa là cát sông Hằng, chỉ số lượng rất nhiều. A tăng kỳ (Asamkhyeya) cũng là số lượng lớn, có nghĩa vô số trong ngôn ngữ Sanskrit. **Đồng sinh một chỗ, vô lượng công đức nhóm lại như quả ác xoa, cùng một chỗ huân tu, hằng không phân tán.** Sinh một chỗ không phải là cùng một nơi sinh, mà là sinh vào thời có Phật trong thế gian này. Một trong tám nỗi khổ là sinh trước hoặc sau khi có Phật. Sống vào thời có Phật tất sẽ có được vô vàn công đức. Quả ác xoa (amala), mỗi chùm có ba quả liền nhau, không hề tách riêng ra được. Cũng vậy, những người sống nơi Phật cũng sẽ ảnh hưởng sự tu dưỡng, họ không bao giờ xa rời khỏi Phật

Kinh văn:

Vậy nên, có thể khiến cho người phá giới mà giới căn cũng được thanh tịnh; người chưa được giới, khiến cho được giới, người chưa tinh tấn, khiến cho tinh tấn, người không trí tuệ, khiến được trí tuệ, kẻ chẳng thanh tịnh, chóng được thanh tịnh, kẻ chẳng giữ trai giới, tự thành có trai giới.

Giảng giải:

Vậy nên, có thể khiến cho người phá giới mà giới căn cũng được thanh tịnh, ngay cả người phá giới cũng được giới trở lại nếu như người đó thật lòng trì tụng chú Lăng Nghiêm hằng ngày. Về căn bản, người nào phá giới sẽ không được cứu độ, nhưng nếu tụng chú này thì giới căn sẽ được thanh tịnh. Tụng ở đây không có nghĩa là đọc tụng cho qua, mà tâm ý quý vị phải hoàn toàn tịnh chỉ khi trì chú như tôi đã nói qua. Khi chú khởi từ tâm và quay trở về tâm quý vị, điều đó có nghĩa là:

Tâm chú

Tâm của chú

Tâm của chú

Tâm chú

Chú và tâm của quý vị trở thành một. Không có sự phân biệt đôi đường. Quý vị đừng quên, đây là sự tự tụng Quý vị không tụng, nhưng nó vẫn đang tụng, quý vị đang tụng, nhưng hầu như quý vị không hiện diện. Ngay cả khi không muốn tụng, nó vẫn đang đọc tụng. Chúng ta đang nói về tụng chú trước khi giảng kinh, và đây là cách đặt định căn bản, đề ra một cách thức cho quý vị. Hẳn nhiên, đây cũng không hẳn là lúc giảng về chú Quý vị có thể tụng thần chú bất cứ lúc nào. Điều quan trọng là loại trừ đi mọi nghĩ tưởng để chỉ tập trung tâm ý, gọi là nhất tâm, là tâm chuyên nhất. Sự đọc tụng thành liên tục và không có suy nghĩ gì khác. Giống như dòng nước miên man xuôi chảy và con sóng này nối tiếp con sóng khác, như cơn gió thoảng qua không hình bóng, nhưng tất cả đều biết là nó đang hiện diện.

Dòng nước trôi xuôi và gió thoảng.

Xướng âm vang giáo lý Đại thừa.

Âm thanh của nước là gió nói lên giáo pháp Đại thừa, và tất cả đều là tâm của thần chú Lăng Nghiêm.

Người chưa tinh tấn, khiến cho tinh tấn, người không trí tuệ, khiến được trí tuệ, kẻ chẳng thanh tịnh, chóng được thanh tịnh, kẻ chẳng giữ trai giới, tự thành có trai giới. Người chưa tinh tấn, chưa học hỏi nghiên cứu giáo lý Phật cũng có thể khởi phát sức mạnh do tụng chú Lăng Nghiêm một thời gian dài. “*Người không trí tuệ sẽ được trí tuệ*”. Xem thế, một kẻ có ngốc nghếch, tâm trí chậm lụt cũng được mở mang, sáng suốt. “*Kẻ chẳng thanh tịnh sẽ mau chóng được thanh tịnh*”. Nếu quý vị có tu dưỡng và chưa được thanh tịnh; nếu quý vị phá giới, bỏ ngang việc ăn chay, phạm sự bất tịnh một thời gian dài, nhưng nếu quý vị không quên tâm chú này, cũng vẫn mau chóng được thanh tịnh trở lại. Một khi muốn thay đổi, chúng ta sẽ được thanh tịnh. Tôi chẳng biết ở đây có nhiều vị thích học Phật, nhưng thân tâm chưa được thanh tịnh. Điều đó cũng không sao, chỉ e là quý vị không chịu học. Vì nếu học, sẽ có lúc quý vị trở nên thanh tịnh. Còn như quý vị không chịu học, nói: “*Tôi không muốn trở nên thanh tịnh, tôi không muốn mạnh mẽ. Tôi thích lười, tôi không biết gì hơn*” – Nếu thế thì chẳng còn gì để nói. “*Đấy có thể là nguyên do người ta không trì trai để thành người ăn chay theo cách tự nhiên*”. Nếu quý vị tụng chú Lăng Nghiêm đến độ tâm ý hoàn toàn chú định khi ấy, cả gió cũng chẳng thổi qua, mưa không sao thấm ướt. Chừng ấy, quý vị không trì trai thì quý vị vẫn tự động ăn chay. Tại sao? Vì tư tưởng quý vị không tán mạn, rời rạc, gốc rễ ham muốn không còn, những ưa thích ăn các món thịt, cá, không còn khuấy động tâm quý vị.

Kinh văn:

A Nan, thiện nam tử ấy, khi trì chú này, giả như có phạm giới cấm khi chưa thọ trì, thì sau khi trì chú, các tội phá giới, bất luận nặng nhẹ, một thời đều tiêu diệt.

Giải thích:

Đoạn này giải thích rất rõ ràng. **A Nan, thiện nam tử ấy, khi trì chú này, giả như có phạm giới cấm khi chưa thọ trì.** Nếu như hiện tại trì chú, nhưng trước đó từng phạm giới, phá giới, **thì sau khi trì chú, các tội phá giới, bất luận nặng nhẹ, một thời đều tiêu diệt.** Tất cả mọi giới hạnh bất tịnh đều không còn, ngay cả bốn giới Ba la di cũng vậy Ba la di (Parajika) là một trọng tội không thể hồi cải được. Nhưng nếu tụng chú Lăng Nghiêm, người ấy sẽ được bảo vệ và trở nên trong sạch, giống như nước sôi rưới vào năm tuyết vậy.

Kinh văn:

Dù đã uống rượu, ăn thứ ngũ tân và các loại không sạch, tất cả các Phật, Bồ tát, Kim Cang, Thiên tiên, Quỷ thần không cho đó là lỗi.

Giảng giải:

Ngũ tân là năm thứ: tỏi, hành, hẹ, kiệu, nén – là những loại gia vị phổ biến. Các loại này đều có hương vị nồng, ăn vào dễ phát dâm và nóng tính. Nhưng dù đã uống rượu, ăn thứ ngũ tân và các loại không sạch trước đó, khi đã trì chú thì **tất cả các Phật, Bồ tát, Kim Cang, Thiên tiên, Quỷ thần không cho đó là lỗi**. Quý vị thường tụng và trì chú Lăng Nghiêm, các Phật, Bồ tát và Pháp sư đều không trách quý vị trước đó là không trong sạch.

Kinh văn:

Dù có mặc y phục cũ rách không sạch, thì việc đi, việc đứng thầy đồng như thanh tịnh; dù chẳng lập đàn, chẳng vào đạo tràng, cũng chẳng hành đạo mà trì tụng chú này, thì công nhưc cũng như vào đàn, hành đạo, chẳng có khác gì.

Giảng giải:

Dù có mặc y phục cũ rách không sạch, thì việc đi, việc đứng. Trong đoạn trước, nói về đạo tràng, Đức Phật có dạy phải mặc y mới, nhưng ở đây Ngài lại bảo điều đó không cần thiết. Nếu không có y mới thì cứ mặc y cũ. Khi quý vị thực hành tu tập trong suốt ba tuần, quý vị cũng sẽ trở nên trong sạch. Bởi vì năng lực thần chú sẽ làm cho y phục mới hoặc cũ đều được trong sạch. Quý vị sẽ ngạc nhiên – vậy tại sao Phật lại bảo phải mặc y mới khi vào đàn. Thực sự, chúng ta mặc y mới là thể hiện lòng tôn kính, sự tôn kính tuyệt đối và rất đổi trong sạch. **Dù chẳng lập đàn, chẳng vào đạo tràng.** Quý vị không cần thiết phải vào đạo tràng, việc tu tập có thể bất kỳ nơi đâu, bất kỳ lúc nào. Cho dù **cũng chẳng hành đạo**, ngay cả không tu dưỡng, **mà trì tụng chú này**, đây là tất cả những gì mọi người có thể tu tập, **thì công nhưc cũng như vào đàn, hành đạo, chẳng có khác gì.** Nếu quý vị tụng chú Lăng Nghiêm thì công đức của quý vị chẳng khác gì vào đàn tràng hành đạo vậy. Thực sự, cái đức của thần chú này là hết sức phi thường.

Kinh văn:

Dù gây tội nặng như ngũ nghịch, vô gián và phạm những tội tứ khí, bát khí của Tỳ kheo, Tỳ kheo ni; khi tụng chú này rồi thì như cơn

gió mạnh thổi tan đồng cát, mọi nghiệp nặng như vậy đều diệt trừ dứt, chẳng còn chút mảy may gì.

Giải thích:

Dù gây tội nặng như ngũ nghịch, vô gián. Trong Phật đạo có năm tội rất nặng:

1. Giết mẹ
2. Giết cha
3. Giết bậc A-la-hán
4. Phá hòa hợp Tăng
5. Làm chảy máu thân Phật.

Nếu làm tổn thương thân Phật bằng con dao, hoặc vật nhọn, hoặc bất cứ thứ gì làm chảy máu thân Phật, đều phạm tội rất nặng.

“Tôi không còn thấy Phật. Đức Phật đã rời khỏi thế gian, vậy tôi không phạm vào lỗi này”.

Không phải vậy, bởi vì bôi xóa hoặc phá vỡ hình ảnh Phật, cũng gọi là làm chảy máu thân Phật. Ngay cả ảnh Phật cũng vậy. Sự hủy hoại hình ảnh Phật khi Ngài không còn tại thế cũng phạm tội. “*Vô gián*” là hậu quả của trọng tội. Kẻ phạm tội sẽ bị mười con quỷ đưa đi trừng phạt, nhưng phạm phải năm tội nặng như đã nêu thì sự trừng phạt rất khốc liệt, kẻ ấy tất phải vào ngục vô gián. Loại địa ngục này tôi cũng đã nói qua. Ở đây có rất đông tội nhân, do đó nên còn gọi là “vô gián”, tức không có khoảng trống. Gọi là vô gián vì tội nhân liên tục chịu khổ đau, không bao giờ dừng dứt.

Phạm những tội tứ khí, bát khí của Tỳ kheo, Tỳ kheo ni có ba nghĩa:

1. Khất sĩ.
2. Phá phiến não
3. Bô ma

Tỳ kheo ni là thành viên nữ trong Tăng già. Có bốn tội Ba la di (Parajikas) là:

1. Dâm
2. Sát

3. Đạo
4. Vọng ngữ

Đây là bốn giới căn bản. Nếu phạm phải bất cứ tội nào trong bốn giới ấy đều phải bị loại khỏi Tăng già đạo Phật. Điều ấy chẳng khác nào đem Phật phá vỡ xuống biển vậy. Bốn tội Ba la di thuộc về Tỳ kheo, đối với Tỳ kheo ni có tám tội Ba la di. Ngoài bốn tội thuộc Tỳ kheo, thêm bốn tội khác:

5. Ma xúc
6. Bất sự
7. Phú tàng tha
8. Bất tùy thuận.

Ma xúc, theo giải thích của giới luật (Vinaya) là: Đụng chạm vào thân thể phụ nữ khi có ý dâm. Đối tượng đụng chạm với ý dâm có thể là nữ, là nam, hoặc Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, người thế tục – đều phạm phải trọng tội. Nếu không có lòng ham muốn dâm dục thì không phạm giới

Bất sự, tức tám điều ngăn cấm trong Ba la di. Tỳ kheo Ni khi tiếp chuyện phải luôn ở nơi công cộng, thoáng đãng. Không được tiếp riêng một người đàn ông nơi vắng vẻ, hoặc phòng riêng. Nói chung, Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni – một nam, một nữ không được ở chỗ riêng với nhau. Khi phạm tội này, Tỳ kheo có phần nhẹ hơn Tỳ kheo Ni.

Phú tàng tha – Biết đồng hữu phạm tội nhưng cố tình che giấu, không báo cho mọi người biết.

Bất tùy thuận: Theo luật người xuất gia, mỗi tháng có hai lần đọc tụng giới bản, vào ngày mùng một và ngày mười lăm trong tháng. Tỳ kheo Ni đọc tụng giới phải có Tỳ kheo chủ trì. Họ không được tự mình thuyết giới, nếu không làm đúng như vậy thì phạm tội Bất tùy thuận.

Nhưng nếu người đó phạm phải các tội nặng như vậy, **khí tụng chú này rồi thì như cơn gió mạnh thổi tan đồng cát, mọi nghiệp nặng như vậy đều diệt trừ dứt, chẳng còn chút mảy may gì.** Cho dù là phạm tội ngũ nghịch, phạm bốn tội, tám tội Ba la di, tụng thần chú này sẽ bay biến tất cả, như một cơn gió mạnh thổi tan đồng cát. Đây là năng lực phi thường của chú Lăng Nghiêm.

Kinh văn:

A Nan, nếu có chúng sinh từ vô lượng vô số kiếp đến nay, đã có tất cả mọi tội chướng nhẹ nặng, nhưng trong các đời trước chưa kịp sám hối, nếu biết đọc, tụng, viết, chép chú này, giữ đeo bên mình, hay để nơi chỗ ở, nhưng trang, trạch, vườn, quán; như vậy mọi nghiệp chướng nhóm từ trước đều tiêu tán như nước sôi làm tan tuyết, không bao lâu đều ngộ được vô sinh nhẫn.

Giảng giải:

A Nan, nếu có chúng sinh từ vô lượng vô số kiếp đến nay, đã có tất cả mọi tội chướng nhẹ nặng, nhưng trong các đời trước chưa kịp sám hối. Họ chưa từng có được cơ hội để sám hối làm lỗi và sửa đổi. “*Sám*” là nêu ra những sai lầm trước đó. “*Hối*” là thay đổi, sửa chữa, không tái phạm tội. **Nếu biết đọc** chú Lăng Nghiêm, hoặc **tụng**, viết, chép chú này. Tụng chú phải trong một thời gian dài. Đức Phật không nói tụng một hoặc hai lần. Ý của Ngài là phải thực hiện việc tụng đọc lâu dài. Hoặc là **giữ đeo bên mình**. Khi đeo chú, phải đeo trên cổ, trước ngực, đây là cách biểu hiện sự tôn kính, không được cất, mang ở phần dưới thân. Càng trân trọng, tôn kính thì chú càng có hiệu nghiệm. **Hay để nơi chỗ ở, nhưng trang, trạch, vườn, quán; như vậy mọi nghiệp chướng nhóm từ trước**, tức những tội lỗi tích tập trong nhiều đời đã qua, đều tiêu tán như nước sôi làm tan tuyết, mọi tội lỗi đều thức thì tan biến hết, **không bao lâu đều ngộ được vô sinh nhẫn.**

Kinh văn:

Lại nữa, A Nan, nếu có người đàn bà chưa sinh con trai, con gái mong cầu có thai, nếu bết chí tâm nhớ niệm chú, hoặc trên người đeo chú Tát-đát-đa bát-đát-la này, thì liền sinh được con trai, con gái có phúc đức trí tuệ.

Giảng giải:

Lại nữa, A Nan, và Đức Phật nói tiếp, nếu có người đàn bà chưa sinh con trai, con gái mong cầu có thai. Tỉ như có nhữn người đàn bà thích làm mẹ, họ muốn có thai, **nếu bết chí tâm nhớ niệm chú, hoặc trên người đeo chú.** Chú tâm là tâm ý chuyên nhất, cũng có nghĩa là tâm tuyệt đối chân thành. Họ có thể tụng chú theo trí nhớ, hoặc dùng sách. Hoặc họ thỉnh cầu Cao Tăng viết cho bài tâm chú và đeo bên mình. **Tát-đát-đa bát-đát-la** có nghĩa Đại Bạch Tán cái – Lọng trắng lớn, khi quý vị mang bài chú ấy trên người, hoặc nhớ trong tâm, chiếc lọng ấy sẽ che chở và giúp ích những

mong muốn của quý vị. Người đàn bà ước mong có con, họ sẽ có được con phúc đức trí tuệ.

Kinh văn:

Người cầu sống lâu sẽ được sống lâu, người cầu quả báo mau được viên mãn, sẽ mau chóng được viên mãn; cả đến về thân mệnh, sắc lực, cũng được trọn vẹn như vậy.

Giải thích:

Người tụng chú Lăng Nghiêm và cầu sống lâu, sẽ được sống lâu. Người mong cầu quả báo sớm sẽ được viên mãn, sẽ mau chóng được viên mãn. Chẳng hạn, người phụ nữ hy vọng tương lai có người chồng tốt, họ sẽ được như vậy. Đối với người đàn ông cũng vậy. Đó là ý nghĩ mong cầu điều gì cũng sẽ được như vậy.

Người mong cầu giàu sang và danh vọng, sẽ được giàu sang, danh vọng.

Người mong cầu sống lâu, sẽ được sống lâu.

Cầu có con trai, sẽ được con trai.

Cầu có con gái, sẽ có con gái.

Mọi mong cầu đều sẽ được, **cả đến về thân mệnh, sắc lực, cũng được trọn vẹn như vậy**, tất cả những cầu mong đều đạt được, mong muốn có tuổi thọ cũng vậy.

Kinh văn:

Sau khi mạng chung, tùy nguyện được vãng sinh trong mười phương quốc độ, chắc chắn không sinh nơi biên địa hạ tiện, hướng chi là các tạp hình.

Giải thích:

Sau khi mạng chung, tùy nguyện được vãng sinh trong mười phương quốc độ. Nếu quý vị muốn tái sinh vào phương Đông với Phật A Súc (Akshobhya), hoặc phương Tây với Phật A Di Đà, hoặc phương Bắc, phương Nam – tùy quý vị có thể cầu tái sinh vào bất kỳ quốc độ Phật, đều được. **Chắc chắn không sinh nơi biên địa hạ tiện, hướng chi là các tạp**

hình. Là con người, quý vị sẽ không tái sinh là kẻ thấp kém hạ tiện, thậm chí cũng chẳng sinh làm thú vật.

Kinh văn:

A Nan, nếu các cõi nước, các châu, huyện, làng xóm, bị nạn đói kém, dịch lệ, hoặc ở những nơi có đao binh, giặc loạn, đánh nhau, và những nơi có ách nạn, viết thần chú này đặt trên bốn cửa thành, cùng các tháp, hay trên tràng phan, và khiến chúng sinh có trong cõi nước, kính rước chú này, cung kính lễ bái, nhất tâm cúng dường, khiến trong nhân dân, mỗi mỗi người đeo chú trên người, hoặc để nơi chỗ ở thì tất cả tai ách đều tiêu diệt.

Giảng giải:

A Nan, nếu các cõi nước, các châu, huyện, làng xóm – chỉ chung một nơi nào đó, hoặc rộng lớn như lục địa, hoặc nhỏ như làng xóm. Khi đói kém, hạn hán kéo dài, cỏ cây khô héo, hoặc có khi mưa lũ ngập chìm cả hoa màu, lương thực. Hoặc dịch bệnh bùng phát, gây hại biết chừng nào. **Hoặc ở những nơi có đao binh, giặc loạn, đánh nhau, và những nơi có ách nạn,** ở các nơi khó khăn nguy hiểm như thế, nên **viết thần chú này đặt trên bốn cửa thành, cùng các tháp.** Có thể đặt phía trên các cửa. Tháp là nơi đặt xá lợi Phật, hoặc Thánh tăng. **Hay** có thể đặt **trên tràng phan,** tức cờ phướn. Cũng có thể viết chú trên lá phướn và đặt trên cao nhất, như tháp đồng hồ, hoặc cột cờ. **Và khiến chúng sinh có trong cõi nước, kính rước chú này, cung kính lễ bái, nhất tâm cúng dường, khiến trong nhân dân** nơi xứ ấy, **mỗi mỗi người đeo chú trên người, hoặc để nơi chỗ.** Có thể mang theo chú bên người, hoặc để ở nơi sinh sống, **thì tất cả tai ách đều tiêu diệt.** Mọi sự bất hạnh và quý dữ đều xa lánh hết. Công đức của chú Lăng Nghiêm rất vi diệu. Quý vị không thể nào hình dung được sự lạ lùng kỳ diệu ấy.

Có người cho rằng tu tập không cần thiết phải thiên định, hoặc phải học kinh điển. Không phải vậy. Người khác thì nghĩ chỉ cần tụng chú và học kinh, không cần đến thiên định. Điều này cũng không đúng. Có người nghe nói về hiệu quả và năng lực của thần chú, họ nghĩ thế thì chỉ nên đọc chú, khỏi tu hành gì khác. Thái độ như vậy là rất cực đoan. Trong việc tu tập, quý vị phải chọn lấy pháp Trung đạo, không thiên lệch, cũng chẳng thái quá. Thần chú thực sự có hiệu nghiệm, nhưng quý vị cũng phải phát huy định lực của chính mình. Bản kinh này xác định chú là hữu hiệu, nhưng điểm tinh yếu nhất của sự tu tập ở đây là giảng giải pháp môn quay trở lại lắng nghe tự tánh của chính mình – đây là pháp môn viên mãn của nhĩ căn. Vậy nên ngay

cả khi quý vị tụng chú, có nghĩa quý vị quay trở lại lắng nghe tự tánh, trở lại với ánh sáng rạng rỡ từ tâm.

Khi tụng chú thì tâm là chú và chú là tâm. Cả hai không thể phân chia. Tâm và chú là hai, nhưng không phải hai. Mặc dù là hai nhưng nó là một. Nếu được vậy thì mọi điều quý vị mong muốn, đều sẽ đạt được. Nếu chú và tâm quý vị thành một khối duy nhất, quý vị sẽ được định của Thiên. Quý vị nên chú ý điều này.

Kinh văn:

A Nan, chúng sinh trong cõi nước, chỗ nào nơi nào có được chú này, thì thiên long vui mừng, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa, chúng dân an vui.

Giảng giải:

A Nan, chúng sinh trong cõi nước, chỗ nào nơi nào có được chú này, thì thiên long vui mừng, và mưa gió thuận thời. Không phải lo lắng vì thiếu thốn thức ăn. Ngũ cốc được mùa, các loại cây lương thực đều được gặt hái tốt đẹp, chúng dân an vui.

Kinh văn:

Lại có thể tránh được tất cả các ác tinh, chúng tùy nơi mà biến ra nhiều điều quái dị, tai chướng không khởi lên, người không chết bất ngờ, chết yếu, gông cùm, xiềng xích không mang vào thân, ngày đêm ngủ yên, thường không ác mộng.

Giảng giải:

Đoạn này nói mọi người đều có thể tránh khỏi ác mộng, **lại có thể tránh được tất cả các ác tinh.** Chú có thể kiểm soát được các hung tinh. Giống như một người trí tuệ điều hành xứ sở của mình theo đúng hướng, mọi người xấu, ác đều sửa đổi, mọi vấn đề được giải quyết dễ dàng. Khi một người dùng đức cai trị, dân trong xứ sẽ học tùng họ. Ở đây, thân chú giống như một thủ lĩnh đạo đức, kiểm soát được mọi điều xấu, mọi biến cố bất hạnh. Những hung tinh ấy, **chúng tùy nơi mà biến ra nhiều điều quái dị.** Chúng mang đến bao điều tai họa đáng sợ Nhưng **tai chướng không khởi lên, người không chết bất ngờ, chết yếu.** Chết bất ngờ là hoạch tử, chết cách đột xuất, chẳng hạn tai nạn xe cộ, hay máy bay nổ tung, hoặc đắm xuống biển, hoặc chết cháy. Đoạn này nói về nguyên nhân con người chết

khi họ không muốn chết, khi họ chưa chuẩn bị để chết. Cái chết bất ngờ thường là ám chỉ cái chết của trẻ. Mọi cái chết trước tuổi ba mươi đều được coi là bất ngờ, vì cuộc sống như vậy là không thọ. **Gông cùm, xiềng xích không mang vào thân, ngày đêm ngủ yên, thường không ác mộng,** không có ma quỷ nào đến quấy phá.

Kinh văn:

A Nan, cõi ta bà này có tám mươi bốn nghìn ác tinh tai biến, hai mươi tám đại ác tinh làm thượng thủ, lại có tám đại ác tinh làm chủ, xuất hiện trên đời với nhiều hình dạng, có thể sinh ra các tai nạn kỳ dị cho chúng sinh.

Giải thích:

A Nan, cõi ta bà này có tám mươi bốn nghìn ác tinh tai biến. Có vô số ác tinh liên hệ với thế giới chúng ta đang sống, **hai mươi tám đại ác tinh làm thượng thủ, lại có tám đại ác tinh làm chủ.** Mặc dù có hai mươi tám loại ác, nhưng chúng có thể cũng là thiện. Ở Trung Quốc, hai mươi tám chòm sao phân chia thành bốn hướng mỗi hướng có bảy sao. Theo thiên văn Trung Quốc, các chòm sao được đặt định tương ứng với thời gian ngày, giờ. Mỗi chu kỳ là hai mươi tám ngày – theo tháng Âm lịch. Nếu một người thiện, các sao dữ sẽ biến thành thiện. Nếu như người ở nơi dữ thì các thiện tinh cũng sẽ biến thành hung tinh. Do đó, không có vì sao nào nhất định là hung, là cát – điều đó còn tùy thuộc ở nghiệp quả và các hành vi thiện – ác. Ở đây nói đến các ác tinh, và chú Lăng Nghiêm có công năng hóa giải. Theo bản kinh, những ác tinh đó là điềm xấu, chỉ mang lại bất hạnh. Đối với các ác tinh – biểu hiện cho điềm dữ, nếu một người thiếu đi thiện căn, hoặc kém phúc đức, dĩ nhiên, người đó sẽ gặp nhiều điều bất lợi. Nhưng nếu anh ta trì tụng chú Lăng Nghiêm, những bất lợi kia sẽ biến thành lợi lạc cho người đó.

Lược kê hai mươi tám sao.

Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư
Giác	Cang	Đề	Phòng	Tâm	Vỹ	Cơ
Đầu	Ngưu	Nữ	Hư	Nguy	Thất	Bích
Khuê	Lâu	Vị	Mão	Tất	Chủng	Sâm

Tinh	Quỹ	Liễu	Tinh	Trương	Dực	Chấn
------	-----	------	------	--------	-----	------

Lại có tám đại ác tinh làm chủ.

1. Mộc tinh – Jupiter
2. Hỏa tinh – Mars
3. Thổ tinh – Saturn
4. Kim tinh – Venus
5. Thủy tinh – Mercury
6. La Hầu – (North Node)
7. Kế đô – (South node)
8. Tuệ tinh.

Có vài thiên thể rất đáng sợ, một số khác tốt đẹp hơn. Trong suốt các vương triều ở Trung Quốc, có sao chổi từng xuất hiện. Thực sự, sao chổi (Tuệ tinh) ấy là gì? Đây là một đứa bé mặc áo ngủ màu đỏ, nó đi dạy các trẻ khác hát. Khi mọi trẻ con cùng hát thì xứ ấy đã đến hồi kết thúc. Điều ấy ám chỉ, khi có sao chổi xuất hiện thì chính quyền thay đổi, tân Hoàng đế sẽ đứng lên trị vì đất nước. Những biến cố của vận mệnh, thường không thấy biết được. Có những trường hợp đặc biệt nảy sinh bất thường và luôn luôn là điềm không hay. Các biến cố, các tình huống bất thường ấy báo hiệu sự việc có chiều thay đổi và mất cân bằng, không chính xác.

Kinh văn:

Nơi nào có chú này thì tất cả đều tiêu diệt, lấy mười hai do tuần làm vòng kết giới, các tai biến hung hiểm hẳn không vào được.

Giải thích:

Nơi nào có chú này thì tất cả đều tiêu diệt. Ở nơi có chú Lăng Nghiêm, mọi biến cố tai ương đều bị tiêu diệt. **Lấy mười hai do tuần làm vòng kết giới.** Sự kết giới do trì tụng chú sẽ làm thành nơi an toàn. Chẳng hạn, người tụng chú Lăng Nghiêm hướng về phương Bắc, về phương Đông, phương Nam, phương Tây. Ở mỗi hướng khi tụng chú, giới (ranh giới, cõi) được kết trong khoảng mười hai do tuần (Yojanas). Một tiểu do tuần là bốn mươi dặm Trung Quốc (Khoảng mười ba dặm Anh). Mười hai do tuần ở đây là đại do tuần. Khoảng chín mươi sáu dặm Trung Quốc (ba mươi hai dặm Anh). Bao quanh khoảng cách ấy là khu vực an toàn, tất cả các loài ma quỷ không thể xâm phạm quấy phá được. **Các tai biến hung hiểm hẳn không**

vào được. Vì vậy, bất cứ nơi nào chú Lăng Nghiêm được thực hiện, mọi người ở nơi ấy đều được gia hộ Trong khu vực được kết giới, mọi tai ương, họa hại đều bị diệt.

Kinh văn:

Vậy nên Như Lai tuyên dạy chú này, bảo hộ cho những người tu hành sơ học, trong đời

Giảng giải:

Vậy nên Như Lai, Phật Thích Ca Mâu Ni, tuyên dạy chú Lăng Nghiêm này, bảo hộ cho những người tu hành sơ học, trong đời vị lai vào Tam ma đề. Họ sẽ đạt được định lực, thân tâm thư thái, được đại an ổn. Họ có được lòng thanh tịnh, thoát mọi lo lắng khổ não.

Kinh văn:

Không còn các ma, quỷ thần và những oan khiên đời trước, nghiệp cũ nợ xưa, từ vô thủy tới nay đến khuấy hại.

Giảng giải:

Không còn các ma, quỷ thần và những oan khiên đời trước khuấy rối người trì chú này. Mọi bất hạnh đều là từ những sai lầm, tội lỗi đã tạo nên từ các đời đã qua, đây chính là nghiệp cũ, là cái nhân tạo tác trước đó – những chướng ngại của nghiệp làm thành nợ xưa từ vô thủy tới nay. Chẳng hạn kẻ nào đó giết người, tất nhiên người đó phải trả lại mạng sống còn nợ. Nếu ăn thịt ai đó, y cũng phải trả lại mối nợ xương thịt đó. Mọi món nợ đều phải trả. Nhưng nếu trì tụng chú Lăng Nghiêm thì mọi bất hạnh do nghiệp, do nợ nần, đều không đến khuấy hại. Chẳng có gì có thể gây hại cho quý vị.

Kinh văn:

Ông cùng những người hữu học trong chúng và những kẻ tu hành đời vị lai, y theo lời dạy của ta mà lập đàn tràng, đúng theo pháp mà trì giới, gặp được Tăng chúng thanh tịnh chủ trì việc thọ giới, đối với chú tâm này không sinh lòng ngờ hời. Những thiện nam tử như thế, chính nơi thân do cha mẹ sinh ra, nếu chẳng được tâm thông thì mười phương Như Lai bèn là vọng ngữ.

Giảng giải:

Ông A Nan, cùng những người hữu học trong chúng và những kẻ tu hành đời vị lai. Kể cả trong đời hiện tại. Nếu như mọi người đều y theo lời dạy của ta mà lập đàn tràng, cách lập đàn như đã nói qua. Và đúng theo pháp mà trì giới, gặp được Tăng chúng thanh tịnh chủ trì việc thọ giới, Tăng chúng thanh tịnh là những người không phạm giới, và đối với chú tâm này không sinh lòng ngờ hời – không một chút nghi ngờ gì về chú này. Những thiện nam tử như thế, theo lời chỉ dạy mà thành lập đạo tràng, gặp được Tỳ kheo trong sạch, giữ trọn giới hạnh – và đây là nguyên nhân và điều kiện cần thiết, và chính nơi thân do cha mẹ sinh ra, nếu chẳng được tâm thông, tức, nếu họ không trở nên giác ngộ và được ngũ nhãn, lục thần thông, thì mười phương Như Lai bèn là vọng ngữ - chư Phật trong khắp mười phương đều nói lời không thật.

Kinh văn:

Phật dạy lời ấy xong, vô lượng trăm ngàn Kim Cang trong Hội, đồng thời đứng trước Phật, chấp tay đánh lễ mà thưa với Phật rằng: “Nhu lời Phật dạy, chúng con phải thành tâm bảo hộ những người tu đạo Bồ đề như vậy”.

Giảng giải:

Phật Thích Ca Mâu Ni dạy lời ấy xong, vô lượng trăm ngàn Kim Cang trong Hội, đồng thời đứng trước Phật, chấp tay đánh lễ mà thưa với Phật rằng: “Nhu lời Phật dạy, chúng con phải thành tâm bảo hộ những người tu đạo Bồ đề như vậy”, chúng con sẽ bảo hộ tất cả những người thành tâm tu theo pháp môn này để đạt được đạo Bồ đề.

Kinh văn:

Lúc bấy giờ, Phạm Vương và Thiên Đế Thích, Tứ đại thiên vương cùng ở trước Phật, đồng thời đánh lễ và thưa với Phật: “Xét có người lành tu học như vậy, chúng con phải hết lòng chí thành bảo hộ, khiến cho trong một đời tu hành được như nguyện”.

Giảng giải:

Lúc bấy giờ, Phạm Vương, chủ tể của Đại Phạm Thiên, và Thiên Đế Thích, vua trời, Tứ đại thiên vương cùng ở trước Phật. Tất cả cùng đứng lên, đồng thời đánh lễ trước Phật và thưa với Phật: “Xét có người lành tu học như vậy, chúng con phải hết lòng chí thành bảo hộ, khiến cho trong một đời tu hành được như nguyện”. Nếu như thực sự có người tu hành

theo lời Phật dạy, tất cả chúng con sẽ thành tâm giữ gìn và bảo hộ họ đạt được ý nguyện.

Kinh văn:

Lại có vô lượng Đại tướng Dược xoa, các vua La Sát, vua Phú Đan Na, vua Cưu Bàn Trà, vua Tỳ Xá Già, Tần na Dạ Ca, các Đại quỷ vương và các Quỷ soái cũng ở trước Phật, chấp tay đánh lễ mà thưa với Phật rằng: “Chúng tôi cũng thệ nguyện hộ trì cho người đó, khiến cho tâm Bồ đề mau được viên mãn”.

Giảng giải:

Lại có vô lượng Đại tướng Dược xoa, quý Tật tóc, các vua La Sát, loại quỷ ăn thịt người, vua Phú Đan Na, quý xú ác, hay gây bệnh sốt, vua Cưu Bàn Trà, quý có hình dạng trái bí đao, gây rữa liệt con người, vua Tỳ Xá Già, đây cũng là loại quỷ rất đáng sợ. Tần na Dạ Ca, thường gây ra các chướng ngại. Các Đại quỷ vương và các Quỷ soái cũng ở trước Phật, chấp tay đánh lễ mà thưa với Phật rằng: “Chúng tôi cũng thệ nguyện hộ trì cho người đó, khiến cho tâm Bồ đề mau được viên mãn”.

Kinh văn:

Lại có vô lượng Nhật Nguyệt thiên tử, Phong sư, Vũ sư, Vân sư, Lôi sư cùng với Điện bá và các Niên Tuế tuần quan, chư tinh quyền thuộc cũng ở trong Hội, đánh lễ chân Phật mà thưa với Phật: “Chúng con bảo hộ người tu hành ấy an lập đạo tràng, được không lo sợ”.

Giảng giải:

Lại có vô lượng Nhật Nguyệt thiên tử, Phong sư, Vũ sư, Vân sư, Lôi sư cùng với Điện bá và các Niên Tuế tuần quan. Hầu hết mọi người đều không nhận ra rằng vào mỗi năm, đều có Tuần quan đi lại giám sát việc thiện ác trong nhân gian. Chư tinh quyền thuộc cũng ở trong Hội mỗi vì sao đều có quyền thuộc riêng, cùng đánh lễ chân Phật mà thưa với Phật: “Chúng con bảo hộ người tu hành ấy an lập đạo tràng, được không lo sợ”. Chúng con cùng nguyện cho người tu hành, bảo hộ người lập đạo tràng, họ sẽ có được sức mạnh, không còn lo sợ.

Kinh văn:

Lại có vô lượng Sơn thần, Hải thần, tất cả thủy lục không hành, tinh kỳ muôn vật, với Phong thần vương cùng chư Thiên vô sắc giới, ở trước Như Lai đồng thời đánh lễ, thưa với Phật: “Chúng con cũng bảo hộ người tu hành ấy được thành quả Bồ đề, hẳn không ma sự”.

Giảng giải:

Lại có vô lượng Sơn thần, Hải thần, tất cả thủy lục không hành, tinh kỳ muôn vật, với Phong thần vương cùng chư Thiên vô sắc giới, ở trước Như Lai đồng thời đánh lễ, thưa với Phật, tất cả cùng hành lễ trước Phật. “Chúng con cũng bảo hộ người tu hành ấy được thành quả Bồ đề, hẳn không ma sự”, chúng con sẽ bảo vệ những người tu ấy tiến thẳng đến quả Bồ đề, và không bao giờ gặp phải ma sự.

Kinh văn:

Khi ấy, tám mươi bốn nghìn na do tha Hằng hà sa Câu chi Kim Cang Tạng vương Bồ tát ở trong Hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà thưa với Phật: “Thế Tôn, như bọn chúng tôi, công nghiệp tu hành đã thành tựu Bồ đề lâu rồi, nhưng không nhận Niết bàn, thường theo chú này, cứu giúp những người chân chính tu hành pháp Tam ma đề trong thời mạt pháp”.

Giảng giải:

Khi ấy, tám mươi bốn nghìn na do tha – số lượng nhiều bằng mấy trăm triệu Hằng hà sa Câu chi Kim Cang Tạng vương Bồ tát ở trong Hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà thưa với Phật: “Thế Tôn, như bọn chúng tôi, công nghiệp tu hành đã thành tựu Bồ đề lâu rồi, nhưng không nhận Niết bàn, thường theo chú này”. Công đức tu hành của chúng con từ lâu đã chứng đạt Bồ đề, vậy tại sao chúng con không vào Niết bàn? Đây là vì chúng con luôn theo giúp những người trì chú này. Chúng con quyết định “**cứu giúp những người chân chính tu hành pháp Tam ma đề trong thời mạt pháp**”. Đây là những người chân chính thực hiện Thiên định, đều sẽ được chúng con bảo vệ, cứu giúp.

Kinh văn:

Bạch Thế Tôn, người tu tâm vào chánh định như thế, dù tại đạo tràng hay lúc kinh hành, cho đến khi tán tâm đi chơi trong làng xóm, đồ chúng chúng con thường phải đi theo hộ vệ người ấy.

Giảng giải:

Kim Cang Tạng vương Bồ tát tiếp tục thừa với Phật: “**Bạch Thế Tôn, người tu tâm vào chánh định như thế**”, người muốn đạt được định lực, dù tại đạo tràng hay lúc kinh hành. Ngồi thiền là công phu thiền định, lúc kinh hành thì hoặc niệm Phật hoặc trì chú, đây là công phu trì tụng Tam muội. **Cho đến khi tán tâm đi chơi trong làng xóm.** Đức Kim Cang tạng vương Bồ tát còn bảo vệ cả những người tu không hành thiền, không vào đạo tràng, không kinh hành trì chú. Dù vậy, khi đi chơi chỗ này chỗ nọ, quý vị đều có thể trì chú này, như vậy, **đồ chúng chúng con thường phải đi theo hộ vệ người ấy.** Nếu một người khéo trì tụng chú Lăng Nghiêm tất sẽ có tám mươi bốn nghìn Kim Cang Tạng vương Bồ tát cùng các chúng đi theo bảo vệ, cho dù người đó đi đến đâu – giống như một đoàn quân đi theo tướng lĩnh của họ vậy.

Kinh văn:

Cho dù Ma vương, Đại Tự Tại Thiên muốn có được phương tiện khuấy phá cũng không thể được, các quỷ thần nhỏ phải cách xa người lành ấy mười do tuần. Trừ phi họ phát tâm ưa thích tu thiền.

Giảng giải:

Cho dù Ma vương, Đại Tự Tại Thiên muốn có được phương tiện khuấy phá cũng không thể được. Bọn họ tìm đủ mọi cách để khuấy phá, nhiễu loạn người tu, nhưng thấy đều không được. Ngay cả **các quỷ thần nhỏ phải cách xa người lành ấy mười do tuần.** Các Quỷ vương và cả Đại Tự Tại Thiên chẳng khuấy phá gì được người lành ấy thì quỷ nhỏ cũng phải tránh xa ngoài hai trăm bảy mươi lăm dặm. **Trừ phi họ phát tâm ưa thích tu thiền,** ngoại trừ các loài quỷ ưa thích nghe kinh, nghe pháp và tu thiền định, bọn chúng có thể đến đạo tràng để nghe kinh, còn không thì phải tránh xa ngoài hai trăm bảy mươi lăm dặm.

Kinh văn:

Bạch Thế Tôn, những ác ma như thế, hay quyến thuộc của ma, muốn đến xâm lấn khuấy phá người lành ấy, chúng con dùng bảo chùy đập nát cái đầu như bụi nhỏ, thường khiến cho người tu hành được như nguyện.

Giảng giải:

Quý vị sẽ nói, sao giáo pháp Kim Cang dữ dội như thế? Các vị ấy bảo sẽ đập đầu bọn quỷ nát như tro bụi. Quý vị có thể hình dung sức mạnh ấy thế nào rồi. Thực ra, Kim Cang Tạng Bồ tát không nhất thiết phải dùng chùy báu như thế, chính sức mạnh thiên định của Bồ tát cũng đủ để trấn áp tất cả rồi. Vì vậy, các vị ấy thưa với Phật: **“Bạch Thế Tôn, những ác ma như thế, hay quyến thuộc của ma, muốn đến xâm lấn quấy phá người lành ấy, chúng con dùng bảo chùy đập nát cái đầu như bụi nhỏ, thường khiến cho người tu hành được như nguyện”**.

Ngày nay, trong các nơi đô hội, khi xảy ra những thiên tai, nhân họa, giết người, phóng hỏa...đều có các quỷ vương vô hình ra sức thao túng. Người tu học Phật có năng lực thiên định, khi đạt được ngũ nhãn sẽ nhìn thấy các ác ma khuấy phá ấy. Vấn đề là người học Phật phải cần thời gian lâu dài, ba năm, năm năm, mười năm hoặc hai mươi năm mới có được vài thuận lợi; trong khi ấy, thủ pháp bọn quỷ cao xa khó lường và chúng học cũng rất nhanh. Bọn chúng có năng lực rất đáng sợ, thường đi xuyên suốt thế gian, khuấy phá khắp nơi. Tuy nhiên, nếu quý vị tụng chú Lăng Nghiêm, bọn ác ma ấy sẽ lánh xa. Nếu không có ai trì tụng Lăng Nghiêm, chắc chắn bọn chúng sẽ ha hồ tàn phá thế gian này.

---o0o---

HAI CÁI NHÂN ĐIÊN ĐẢO

Kinh văn:

Ông A Nan, liền từ chỗ ngồi đứng lên đánh lễ nơi chân Phật mà thưa với Phật rằng: “Chúng con ngu độn, tham cầu đa văn, đối với các tâm hữu lậu chưa cầu thoát ly, nhờ Phật dạy bảo, được lối huân tu chân chính, thân tâm khoan khoái, được nhiều lợi ích”

Giảng giải:

Ông A Nan, liền từ chỗ ngồi đứng lên đánh lễ nơi chân Phật mà thưa với Phật rằng: “Chúng con ngu độn, đây là sự học hỏi và phải nhờ vào trí nhớ của chúng ta, tham cầu đa văn, đối với các tâm hữu lậu chưa

cầu thoát ly”. Chúng ta ưa đọc sách, học tập và nhớ nhiều. Chúng ta thông minh và hiểu biết nhiều. Nhưng ngoài tư tưởng và hành động, chúng ta không còn nhận thấy gì khác. Thật sự, mọi người chúng ta không muốn vượt khỏi ba cõi (Tam giới), không chú tâm thoát khỏi căn nhà đang bốc cháy. Nay, **nhờ Phật dạy bảo, được lối huân tu chân chính, thân tâm khoan khoái, được nhiều lợi ích**. Phật chỉ dạy chúng ta cách thức tu tập, điều ấy khiến cho mọi người cảm thấy rất hạnh phúc, có được nhiều lợi lạc.

Kinh văn:

Bạch Thế Tôn, những người tu chứng pháp Tam ma đề của Phật như thế, chưa đến Niết bàn thì sao gọi là Càn huệ địa? Trong bốn mươi bốn tâm đến thức bậc nào mới được danh mục tu hành? Đến phương sở nào mới gọi là nhập địa? Thế nào mới gọi là Đăng giác Bồ tát?

Giảng giải:

Bạch Thế Tôn, những người tu chứng pháp Tam ma đề của Phật như thế, chưa đến Niết bàn thì sao gọi là Càn huệ địa? Bạch Phật, chúng con tu theo pháp này và đạt được chánh định (Samadhi) của Phật. Nhưng trước khi đến Niết bàn, còn phải qua nhiều cấp khác nhau – chẳng hạn, thế nào gọi là Càn Huệ địa? **Trong bốn mươi bốn tâm đến thức bậc nào mới được danh mục tu hành? Đến phương sở nào mới gọi là nhập địa?** Làm thế nào chúng con biết là mình đạt tới địa vị Thập địa Bồ tát? Và **thế nào mới gọi là Đăng giác Bồ tát?** Phần này sẽ giải thích trong các đoạn sau.

Kinh văn:

Nói lời ấy xong, năm vốc gieo xuống đất, cả đại chúng cùng một lòng, chăm chỉ mong chờ lời từ của Phật.

Giảng giải:

Sau khi ông A Nan **nói lời ấy xong, năm vốc gieo xuống đất**, A Nan cùng tất cả mọi người trong đại hội dùng năm vốc – tức đầu, đôi chân, đôi tay cùng gieo xuống đất hành lễ. **Cả đại chúng cùng một lòng, chăm chỉ mong chờ lời từ của Phật**. Mọi người đều hết sức chăm chú nhìn Phật và chờ đợi Phật nói pháp. Quý vị thử nghĩ Phật sẽ nói gì?

Kinh văn:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ông A Nan rằng: “Hay thay! Hay thay! Các ông lại biết vị đại chúng và hết thấy chúng sinh tu Tam ma đề, cầu pháp Đại thừa trong thời mật pháp, xin ta chỉ trước đường tu hành vô thượng chân chính, từ phạm phu cho đến Đại Niết Bàn; nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói”.

Ông A Nan và đại chúng chấp tay sạch lòng, lặng yên thọ giáo.

Giảng giải:

Lúc bấy giờ, tại đại Hội rất đông người, cùng chăm chú chiêm ngưỡng, Đức Thế Tôn khen ông A Nan. Nhận thấy A Nan và đại chúng rất thành tâm, do đó, Ngài nói: **“Hay thay! Hay thay! Các ông lại biết vị đại chúng và hết thấy chúng sinh tu Tam ma đề, cầu pháp Đại thừa trong thời mật pháp”**. Ông muốn cùng mọi người tu học chứ không phải vì lợi lạc cho riêng mình. Ông hành động vì đại chúng nơi đây, và cả những người muốn học pháp Đại thừa sau này, vì vậy ông **xin ta chỉ trước đường tu hành vô thượng chân chính, từ phạm phu cho đến Đại Niết Bàn**. Niết bàn là bất sinh, là tịch diệt, ông chưa đạt đến nhưng muốn biết cách thực hiện cho được. **Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói**. Hãy hết sức chú ý, ta sẽ giảng giải cho ông.

Ông A Nan và đại chúng chấp tay sạch lòng, lặng yên thọ giáo. Sạch lòng có nghĩa là trừ tất cả vọng tưởng, tạp niệm ra khỏi tâm thức. Có năm loại kiến giải cần loại trừ là:

1. Thân kiến
2. Biên kiến
3. Giới cảm thủ kiến
4. Kiến thủ kiến
5. Tà kiến.

Cùng với năm nguyên nhân làm cho si độn:

1. Tham
2. Nhuế
3. Vô minh
4. Kiêu mạn
5. Nghi

Như chiếc thuyền trống rỗng, họ vớt ra khỏi tâm trí mọi điều học hỏi, và yên lặng lắng nghe Đức Thích Ca giảng giải.

Kinh văn:

Phật dạy: “A Nan, ông nên biết diệu tính là viên minh, rời các danh tướng, bản lai không có thể giới chúng sinh”.

Giảng giải:

Phật dạy: “A Nan, ông nên biết diệu tính là viên minh, bản lai vốn rất sáng suốt, rất màu nhiệm nếu xa rời các danh tướng, như kinh Kim Cang nói: “Phàm là tướng sở hữu đều là hư vọng, nếu thấy tướng là phi tướng ắt sẽ thấy Như Lai”. Nếu chấp tướng, mọi sự việc quý vị thấy biết cũng đều là chấp trước. Căn bản là không có danh, cũng chẳng có tướng. Vậy tại sao không có danh tướng? Đây là vì bản lai không có thể giới chúng sinh, chỉ vì chính con người gây ra ảo tưởng và tạo nghiệp mới hình thành thể giới báo ứng của chúng sinh như vậy.

Kinh văn:

Nhân cái vọng mà có sinh, nhân cái sinh nên có diệt, sinh diệt gọi là vọng.

Giảng giải:

Nhân cái vọng mà có sinh, nhân cái sinh nên có diệt. Nếu không có sinh sẽ không có diệt, **sinh diệt gọi là vọng.** Cái sinh sau khi sinh, cái diệt sau khi diệt, mọi sinh diệt đó đều là hư vọng, nó không thực có.

Kinh văn:

Diệt vọng gọi là chân, đấy gọi là hai hiệu chuyển y vô thượng Bồ đề và Đại Niết bàn của Như Lai.

Giảng giải:

Diệt vọng gọi là chân. Khi đạt được chân như của tự tánh, ông sẽ đạt được Phật tánh, **đấy gọi là hai hiệu chuyển y vô thượng Bồ đề và Đại Niết bàn của Như Lai,** một đàng là chuyển khổ đau đến Bồ đề và một là chuyển sinh tử vào Niết bàn.

Kinh văn:

A Nan, nay ông muốn tu pháp chân Tam ma đề, đến thẳng Đại Niết bàn của Như Lai, trước hết phải biết hai cái nhân điên đảo của thế giới và chúng sinh này, điên đảo không sinh, đây là chân Tam ma đề của Như Lai.

Giảng giải:

A Nan, nay ông muốn tu pháp chân Tam ma đề, đến thẳng Đại Niết bàn của Như Lai. Ông muốn tu pháp Đại Bồ tát và đại chánh định (Samdhi). Ông muốn tiến đến địa vị Phật và được bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Trước hết phải biết hai cái nhân điên đảo của thế giới và chúng sinh này, điên đảo không sinh, đây là chân Tam ma đề của Như Lai. Có thể nhận thực nhân điên đảo và tránh không để sinh khởi – đây là chánh định của Phật.

Kinh văn:

A Nan, thế nào gọi là điên đảo của chúng sinh? A Nan, do cái tâm bản tánh là minh, và tánh minh ấy viên mãn khắp cùng, do đó nên nhân tánh minh phát ra mà vọng kiến nhận là có tánh sinh ra, từ rốt ráo là không lại thành rốt ráo là có.

Giảng giải:

Nan, thế nào gọi là điên đảo của chúng sinh? A Nan, do cái tâm bản tánh là minh, và tánh minh ấy viên mãn khắp cùng. Tánh vốn sáng rõ và biến chiếu cùng khắp. Do đó nên nhân tánh minh phát ra mà vọng kiến nhận là có tánh sinh ra. Vì mê lầm, không nhận được bản tánh viên mãn sáng suốt nên sinh ra các thứ hư vọng, biến thành vô minh. Vô minh là một loại ảo tưởng, là sự mê muội, do đó nên nghiệp sinh khởi – sinh và tử cũng thành hiện hữu.

Do một vọng niệm mà dấy lên Tam tế

Do Tam tế phát triển thành lục thô.

Quan điểm này đã được luận đến trong phần đầu của bản Kinh. Một khi từ chân khởi vọng thì nghiệp chương liền sanh khởi. Cùng với nghiệp tướng là Chuyển tướng, và sau cùng là Năng kiến tướng.

Tam tế - tức tướng trạng chực kỳ vi tế.

1. Nghiệp chương

2. Chuyển tướng
3. Năng kiến tướng.

Từ Tam tế duyên với cảnh giới của hiện tướng mà sinh sáu loại mê tướng, tức lục thô như sau:

1. Trí tướng, tức trí tuệ của thế gian.
2. Tương tục tướng, mọi sự đều diễn tiến không ngừng.
3. Chấp thủ tướng.
4. Kê danh tự tướng.
5. Khởi nghiệp tướng.
6. Nghiệp hệ khổ tướng.

Từ rốt ráo là không lại thành rốt ráo là có, đây là sự biểu hiện của Tam tế, cũng từ vọng niệm sai lầm nên mới hiện diện như vậy.

Kinh văn:

Có cái sở hữu như vậy là do phi nhân làm nhân, và những tướng năng trụ sở trụ, rốt ráo không có cội gốc. Đoạn lại từ cái gốc vô trụ ấy mà kiến lập nên thế giới và các chúng sanh.

Giải thích:

Có cái sở hữu như vậy, sở hữu ở đây đều là do vô minh, vì:

Do một vọng niệm mà dậy lên Tam tế

Do Tam tế phát triển thành lục thô.

Mọi sở hữu đều hiện hữu, nhưng **là do phi nhân làm nhân**. Nhân là nương theo. Tại sao gọi là phi nhân? Vì, mặc dù Tam tế được biết là khởi từ vô minh, và vô minh thì không có thực thể, do đó, nó không phải là chỗ nương tựa đáng tin cậy. **Và những tướng năng trụ sở trụ, rốt ráo không có cội gốc.** Từ vô minh, hư vọng nên có chúng sanh, do đó, những tướng năng trụ, sở trụ đều để nương tựa, nhưng lại dựa vào cái gốc vô minh không an trụ ấy thành lập thế giới và các chúng sanh. Như vậy, sự hiện hữu đó là bất thực, hoàn toàn trống rỗng và hư vọng.

Kinh văn:

Vì mê không nhận ra tánh viên minh vốn có, nên sinh ra hư vọng, tánh hư vọng không có tự thể, không phải là có chỗ nương tựa.

Giảng giải:

Vì mê không nhận ra tánh viên minh vốn có, nên sinh ra hư vọng. Mê là hư vọng sinh ra từ chân tánh. Đối với Như Lai tạng tánh, thực sự không có danh, không có tướng. Khi vô minh sanh thì đầy đầy vọng động. Từ vọng động, con người không còn nhận ra tánh giác ngộ, tựa như đánh mất đi căn nhà của chính mình vậy. **Tánh hư vọng không có tự thể, không phải là có chỗ nương tựa.** Hư vọng, tự nó không phải là thực chất – nó chỉ là hư tướng, không thực. Do vậy, vô minh không phải là thực chất nên Tam tế cũng chẳng có căn để thực sự.

Kinh văn:

Muốn cầu trở lại chân tánh thì cái muốn chân thật đó đã không phải là tánh chân như chân thật. Cầu trở lại không đúng chân lý thì hiển thành những phi tướng.

Giảng giải:

Muốn cầu trở lại chân tánh thì cái muốn chân thật đó đã không phải là tánh chân như chân thật. Về căn bản, vô minh không có thực chất riêng biệt, do đó Tam tế thực sự cũng chẳng có cội gốc thực sự gì. Vậy nên thực là sai lầm nếu ông quyết định muốn quay trở lại với chân lý, quay trở lại căn cội để tìm kiếm chân lý. Ông sẽ càng khởi thêm hư vọng. Nếu muốn trở lại với chân tánh, ông đừng gia thêm sự sáng và tánh giác ngộ, đừng gắn thêm cái đầu đã có, đừng tìm con lừa khi đang cưỡi lừa. **Cầu trở lại không đúng chân lý.** Đừng truy tìm chân lý vòng có, tốt hơn hết, ông chỉ cần hóa giải vô minh, đó chính là chân lý. Không nhất thiết phải tìm kiếm gì khác. Lý do ông không nắm bắt được chân lý là vì ông đang giữ chặt lấy vô minh. Nếu biết vô minh không có thực chất thì ông đừng khởi vọng tưởng, đừng kiếm tìm chân lý. Khi vô minh diệt thì pháp tánh tự nhiên sẽ hiển thiện. **Hiển thành những phi tướng.** Không tìm chân lý, hoặc loại trừ vọng tưởng, cần thiết là phải phá vỡ vô minh, như vậy tự tánh giác ngộ sẽ tức thì hiện hữu. Nhưng nếu vô minh chưa phá mà vẫn kiếm tìm chân lý thì khác nào bỏ gốc, nắm lấy ngọn. Một khi vô minh diệt thì Tam tế cũng biến mất, cả lục thô cũng vậy.

Kinh văn:

Không phải sinh, không phải trụ, không phải tâm, không phải pháp. Xoay vần phát sinh và sinh lực phát huy, huân tập thành ra nghiệp báo, đồng nghiệp thì cảm với nhau, nhân đó mà cảm ra các nghiệp diệt nhau, sinh nhau, do đó mới có điên đảo về chúng sanh.

Giảng giải:

Không phải sinh, là tướng sinh của vô minh, **không phải trụ**, chỉ nghiệp thức, đây là thức thứ tám. **Không phải tâm**, chỉ về kiến phần, **không phải pháp**, chỉ về tướng phần. Những vô minh, nghiệp thức và kiến phần, tướng phần đều không có căn để, không có thực chất. Sự hiện hữu của chúng chỉ là giả tạo, không phải thực pháp, do đó nên **xoay vần phát sinh**, điều đó như sự liên hệ giữa mắt, tai mũi, lưỡi, thân và tâm vậy. **Và sinh lực phát huy, huân tập thành ra nghiệp báo**, sự liên tục sinh khởi và triển chuyển làm phát huy sinh lực, càng phát triển càng hiển hiện, do đó mà mọi hoặc, nghiệp, khổ càng nhiều, càng mạnh mẽ. **Đồng nghiệp thì cảm với nhau**, do các quan hệ hỗ tương nên cùng diệt nhau, **do đó mới có điên đảo về chúng sanh**, các chúng sinh điên đảo vì vọng tưởng của chính mình.

Kinh văn:

A Nan, thế nào gọi là điên đảo về thế giới? Do có cái sở hữu đó nên từng phần, từng đoạn giả dối sinh ra, vì thế mà giới thành lập, do phi nhân làm nhân, không có năng trụ, sở trụ nên đời đời không dừng, nhân đó mà thế giới thành lập. Ba đời bốn phương hòa hợp can thiệp nhau, chúng sinh biến hóa thành mười hai loại.

Giảng giải:

A Nan, thế nào gọi là điên đảo về thế giới? A Nan, ta sẽ giảng về sự điên đảo của thế giới. Ông lắng nghe. **Do có cái sở hữu đó.** “Đó” – chỉ sự vô minh. “Cái sở hữu” là thân vọng tưởng của chúng sinh, **nên từng phần, từng đoạn giả dối sinh ra**, vô minh và chúng sinh. “Phần” là chỉ căn thân của chúng sinh. “Đoạn” là chỉ đời người từ sinh đến tử. Nhân vì vô minh bất giác nên chúng sinh cứ mãi trôi lăn theo nghiệp, vọng tưởng là có sinh có tử, có căn thân giả tạo, **vì thế mà giới thành lập, do phi nhân làm nhân, không có năng trụ, sở trụ nên đời đời không dừng.** Vô minh là vô căn, là hư trống, nó không có thực chất. “Phi nhân” cũng là vô minh, nó không phải là cái nhân thực sự, chỉ vì vọng tưởng nên sinh ra thế giới. Do đó, thế giới cũng là hư trống, không thực, nó không có cảnh tướng thường trụ, cảnh tướng trụ của nó chỉ là hư vọng, luôn thay đổi không dừng, **nhân đó mà thế**

giới thành lập. Ba đời bốn phương, mọi ảnh hưởng hòa hợp để tạo nên thế giới. Thế giới có ba đời là quá khứ, hiện tại, tương lai. Bốn phương là bốn hướng trong không gian, **hòa hợp can thiệp nhau, chúng sinh biến hóa thành mười hai loại**, đây là nhờ vào các động lực khác nhau. Mười hai loại chúng sinh sẽ giảng giải phần sau.

Kinh văn:

Vậy nên trong thế giới, nhân động nên có tiếng, nhân tiếng nên có sắc, nhân sắc có hương, nhân hương có xúc, nhân xúc có vị, nhân vị nên biết pháp, sáu vọng tưởng cần loạn thành ra nghiệp tánh, mười hai đối hiện, do đó mà xoay chuyển mãi mãi.

Giảng giải:

Vậy nên trong thế giới, nhân động nên có tiếng, do có động nên sinh ra âm thanh, tiếng vang. **Nhân tiếng nên có sắc**, khi có tiếng vang thì liền có sắc. **Nhân sắc có hương**, sắc tác động làm khởi hương. **Nhân hương có xúc, nhân xúc có vị, nhân vị nên biết pháp, sáu vọng tưởng cần loạn thành ra nghiệp tánh**. Sáu cảnh ở đây là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Cả sáu loại vọng tưởng ấy được xem như những tên trộm cắp. Chúng tạo nghiệp rất mạnh. Và **mười hai đối hiện, do đó mà xoay chuyển mãi mãi**, đây là nguyên nhân tự thành mười hai loại chúng sinh, do nghiệp chiêu cảm nghiệp quả, lại từ quả báo thọ sinh mười hai loại, sống đây chết đó, luân chuyển trong các nẻo đến không bao giờ dứt.

Kinh văn:

Do đó, trong thế gian, những thanh, hương, vị, xúc biến đổi tột cùng, đến mười hai lần vẫn trở lại.

Giảng giải:

Do đó, trong thế gian, những thanh, hương, vị, xúc, đây là sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp - **biến đổi tột cùng, đến mười hai lần xoay trở lại**, sau khi biến đổi, chúng lại tiếp tục biến đổi cùng tận đến mười hai cách thì xoay trở lại cách ban đầu.

Sáu trần ở đây là duyên tạo nghiệp, nghiệp tánh là nhân của luân hồi, do nhân duyên hòa hợp sinh ra hư vọng, luân hồi không dứt, do vậy nên thường có chúng sinh.

---o0o---

MƯỜI HAI LOẠI CHÚNG SINH

Kinh văn:

Dựa theo những tướng diên đảo xoay vần đó, nên trong thế giới có các loài noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, hoặc phi hữu sắc, hoặc phi vô sắc, hoặc phi hữu ướng, hoặc phi vô tướng.

Giải giải:

Dựa theo những tướng diên đảo xoay vần đó. Tác động qua lại của sáu trần và mười hai loại chúng sinh nên hình thành những diên đảo, **nên trong thế giới có các loài noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh**, đây là bốn loại sinh. Có bốn điều kiện (duyên) cần thiết để sinh từ trứng (Noãn sinh):

1. Cha
2. Mẹ
3. Nghiệp căn
4. Hơi ấm.

Có ba điều kiện để thai sinh:

1. Cha
2. Mẹ
3. Nghiệp căn

Có hai điều kiện cần thiết của thấp sinh:

1. Nghiệp căn
2. Khí ẩm thấp.

Về hóa sinh thì chỉ cần một điều kiện – đó là nghiệp căn.

Tùy vào nghiệp thức, các chúng sinh hóa sinh theo ý muốn, họ có thể biến, hiện cõi này, cõi nọ. Bốn loại chúng sinh: **hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, hoặc phi hữu sắc.** Các chúng sinh này không phải là có sắc, cũng không phải là không có sắc. **Hoặc phi hữu tướng, hoặc phi vô tướng**, đây

không phải là có tướng, hoặc không có tướng. Đây là mười hai loại chúng sinh. Vì thời gian có hạn nên không thể giảng rộng, tôi chỉ nêu đại ý như vậy.

Kinh văn:

A Nan, do vì thế giới có hư vọng luân hồi, điên đảo về động nên hòa hợp với khí, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng bay lặn, vì vậy nên có mầm trứng trôi lặn trong các cõi nước: cá, chim, rùa, rắn, rất nhiều các loại.

Giảng giải:

A Nan, do vì thế giới có hư vọng luân hồi, điên đảo về động. Chúng ta đã biết vọng khởi không phải là chân tánh, và từ Vô minh hữu hiện cả Tam tế, lục thô, thành ra hư vọng nối tiếp nhau trong vòng luân hồi bất tuyệt. Nghiệp là do động, và từ động sinh ra điên đảo, **nên hòa hợp với khí, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng bay lặn.** “Khí” là tạo tác của nghiệp. “Tướng bay”, chỉ chung các loài chim khác. “Tướng lặn”, chỉ loài bò sát, lưỡng cư. **Vì vậy** do các tướng **nên có mầm trứng.** “Mầm” trong tiếng Sanskrit là Kalala, có nghĩa là “chất nhầy kết tụ”, đây là sự hòa hợp tính huyết của giống đực và giống cái trong tuần đầu phát triển. Sinh từ trứng là do tướng và bốn điều kiện như đã nói qua. Những mầm ấy **trôi lặn trong các cõi nước: cá, chim, rùa, rắn.** Chúng có rất nhiều và ở khắp nơi. Cá lội trong nước, chim bay trên không, và ếch nhái, là loài lưỡng cư, sống được trên cạn, dưới nước. Các loài bò sát khác như rắn, rùa, rất nhiều các loại trên mặt đất.

Kinh văn:

Nhân trong thế giới có tạp nhiễm luân hồi, điên đảo về dục, nên hòa hợp với tư, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng ngang dọc, như vậy nên có bọc thai trôi lặn trong cõi nước – người, súc, rồng, tiên, rất nhiều các loại.

Giảng giải:

Đoạn này bàn về thai sinh. Thai sinh là do lòng dục. Sự ái dục và giao tình sẽ làm thành bào thai. Loài người, thú, rồng, và tiên đều sinh theo cách này. **Nhân trong thế giới có tạp nhiễm luân hồi, điên đảo về dục.** “Tạp nhiễm” là bất tịnh, không trong sạch, hỗn tạp, “luân hồi” là tái sinh trong sáu nẻo, hoặc trong vòng tái sinh làm người, súc vật, rồng, tiên – đều do dục

tưởng và ham muốn thành điên đảo. Điên đảo là hành vi trái luật, hoặc không theo đúng pháp. Chính vì lòng dục **nên hòa hợp với tư, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng ngang dọc.** “Tu” (Stimulation: kích thích) là tạo nghiệp, là hành động do ham muốn, **như vậy nên có bọc thai trôi lăn trong cõi nước – người, súc, rồng, tiên, rất nhiều các loại.** Sinh từ thai – đó là động vật có vú, hình thành do dục và ba điều kiện: cha, mẹ và nghiệp nhân. “Bọc thai” tiếng Sanskrit: “Arbuda”, là bọc trứng bắt đầu phát triển từ tuần lễ thứ hai. Các loài người, thú, rồng, tiên có nhiều các nơi trên mặt đất.

Kinh văn:

Nhân trong thế giới có chấp trước luân hồi, điên đảo về thú, nên hòa hợp với noãn, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng nghiêng ngửa, vậy nên có tế thi thấp sinh trôi lăn trong cõi nước, nhưng nhúc quậy động, rất nhiều các loại.

Giảng giải:

Đoạn này bàn về thấp sinh. Sinh từ nơi âm thấp là do hơi âm và hai điều kiện: Nghiệp cá nhân và khí âm. **Nhân trong thế giới có chấp trước luân hồi, điên đảo về thú.** “Chấp trước” là nắm giữ và không thể thay đổi. Do chấp trước nên phải chịu tái sinh trong vòng luân hồi. “Thú” là ý hướng, khuynh hướng về một điều gì đó, **nên hòa hợp với noãn, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng nghiêng ngửa.** “Noãn”, khí âm là tạo tác của nghiệp. “Nghiêng” dao động, không vững. “Ngửa” là đảo ngược lại. **Vậy nên có tế thi thấp sinh trôi lăn trong cõi nước, nhưng nhúc quậy động, rất nhiều các loại.** “Tế thi” (Sanskrit: Peshi) là loài thân mềm, chỉ các loài sinh từ nơi âm thấp. “Thấp sinh”, chỉ các loại động vật nhỏ sinh ra từ nơi âm thấp như côn trùng, ruồi, muỗi. Chúng ở khắp nơi trên mặt đất.

Thường, chúng ta không để ý, nhưng thực sự cả mười hai loại đều liên quan nhau. Con người cũng liên quan đến các loài như vậy.

Kinh văn:

Nhân trong thế giới có biến dịch luân hồi, điên đảo về giả, nên hòa hợp với xúc, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng mới cũ, vậy nên có yết nam hóa sinh trôi lăn trong các cõi nước, chuyển thoái, phi hành, các loài rất nhiều.

Giảng giải:

Đoạn này bàn về Hóa sinh – điều kiện chỉ là nghiệp của tự thể. Do nghiệp thức nên ưa thích mới, nhàm chán cũ, và liền được hóa sinh. Chẳng hạn, vài loại chuột có thể hóa sinh thành doi. Và loại chim chuyển sinh thành cá, hoặc loài lưỡng cư. Hoặc sâu bướm chuyển thành bướm. Sự thay đổi và chuyển hóa này đều do tướng điên đảo hình hành. **Nhân trong thế giới có biến dịch luân hồi, điên đảo về giả, đây là sự vay mượn tới lui, đổi thay và chuyển hóa của các sinh vật, nên hòa hợp với xúc, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng mới cũ.** Có vài loại sinh vật nhàm chán những gì cũ kỹ, chúng ham muốn có điều gì đó mới lạ hơn. Chẳng hạn chim biếng bay, muốn chuyển thành loài lưỡng cư, như ếch chẳng hạn. Các loài sâu bướm, ấu trùng, giòi, chán việc trườn, bò muốn đổi thành côn trùng, như bướm chẳng hạn. Vài loài chuột đã chán thân chuột, muốn biến đổi thành doi. Những ví dụ ấy đều chỉ sự hóa sinh. **Vậy nên có yết nam hóa sinh trôi lăn trong các cõi nước.** Yết nam (Sanskrit: Ghana) có nghĩa thịt rắn chắc – đây là trường hợp biến hình của động vật, là loại chuyển biến thoái hóa. Các loài hóa sinh này có khắp thế giới, **chuyển thoái, phi hành, các loài rất nhiều.** Các sinh vật bò, trườn, chuyển biến thành chim chóc, hoặc loài chim chuyển thành loài bơi lội. Sự chuyển hóa giữa các loài có rất nhiều.

Kinh văn:

Nhân trong thế giới có lưu ngại luân hồi, điên đảo về chướng – nên hòa hợp với trước, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng tinh diệu, vì vậy nên có yết nam sắc tướng trôi lăn trong cõi nước, hư cửu, tinh minh, các loài rất nhiều.

Giải thích:

Đoạn này bàn về hữu sắc. **Nhân trong thế giới có lưu ngại luân hồi, điên đảo về chướng.** Ngại là ngăn cản, gây chướng ngại, có nhiều sắc, chướng ngại đan xen nhau, **nên hòa hợp với trước, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng tinh diệu.** “Trước” là tạo nghiệp, do chấp trước nên làm khuất đi ánh sáng chân tâm, **vì vậy nên có yết nam sắc tướng trôi lăn trong cõi nước.** Đây là loại phát sáng như mặt trời mặt trăng, loại mang điềm lạnh gọi là hư, có điềm dữ gọi là cửu; ở động vật phát sáng thì như đom đóm, các loài như vậy có rất nhiều.

Kinh văn:

Nhân trong thế giới có tiêu tán luân hồi, điên đảo về hoặc nên hòa hợp với ám, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng, thâm ẩn, vậy nên

có yết nam vô sắc trôi lăn trong cõi nước; không tán tiêu trầm, các loại rất nhiều.

Giảng giải:

Đoạn này bàn về các chúng vô sắc, tức các chư Thiên cõi Vô sắc giới. **Nhân trong thế giới có tiêu tán luân hồi, điên đảo về hoặc.** Mặc dù “tiêu” và “tán” bao hàm sự dứt diệt, không tồn tại, chẳng còn thấy gì, nhưng ở đây vẫn có sự hiện hữu, đây là thức và nghiệp, tức là vẫn có các chúng – đây là sự tái sinh. “Hoặc” là mê vọng, nó là một loại vô minh làm cho điên đảo, **hoặc nên hòa hợp với ám, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng, thâm ẩn.** Nghiệp rất khó cảm nhận, và do đó nó gây ra vô số loạn tướng. “Thâm” và “Ẩn” là loại ý tưởng khó nhận biết. **Vậy nên có yết nam vô sắc trôi lăn trong cõi nước.** Chúng phát triển cùng khắp, **không tán tiêu trầm, các loại rất nhiều.** “Không” là không vô biên sắc thiên. “Tán” là phi tướng, phi phi tướng xứ thiên. Các chúng sinh ấy hiện hữu là do thức nghiệp, không có sắc tướng và có rất nhiều trong thế giới.

Kinh văn:

Nhân trong thế giới có vọng tượng luân hồi, điên đảo về ảnh nên hòa hợp với ức, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng tiềm kết, vậy nên có yết nam hữu tướng trôi lăn trong cõi nước, thần quỷ tinh linh, các loài rất nhiều.

Giảng giải:

Nhân trong thế giới có vọng tượng luân hồi, điên đảo về ảnh. Phần này bàn về các chúng sinh hữu tướng, nhưng vô sắc. Các chúng sinh ấy như là thần, quỷ, tinh linh. Do vọng chấp ảnh tượng **nên hòa hợp với ức, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng tiềm kết.** Do tiềm ẩn nên không ai hay biết. Các loạn tướng của chúng thâm kết, **vậy nên có yết nam hữu tướng trôi lăn trong cõi nước, thần quỷ tinh linh, các loài rất nhiều.** Hữu tướng ở đây không phải là loại tướng của noãn sinh, mà là loại vọng tướng tạo tác. Quỷ và thân có loại tinh quái, và loại cư xử rất đúng mực. Có một số quỷ vương thị hiện chư Bồ tát, có quỷ vương cũng khó lường. Tinh linh là các loài sơn thần, hải thần, thành hoàng...các chúng có nhiều và ở khắp nơi.

Kinh văn:

Nhân trong thế giới có ngu độn luân hồi, điên đảo về si nên hòa hợp với ngoan, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng khô cảo; vậy

nên có yết nam vô tướng trôi lăn trong cõi nước, tinh thần hóa làm đất, cây, vàng, đá, các loại rất nhiều.

Giải:

Nhân trong thế giới có ngu độn luân hồi, điên đảo về si. Loại vô tướng tuy có sắc nhưng không có tư tướng, do đó thành ngu muội ám độn, **nên hòa hợp với ngoan, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng khô cảo.** Ý tướng hoàn toàn cạn kiệt, **vậy nên có yết nam vô tướng trôi lăn trong cõi nước, tinh thần hóa làm đất, cây, vàng, đá, các loại rất nhiều.** Vì tư tướng của họ khô héo nên tinh và thần chuyên hóa thành đất, gỗ, kim loại hoặc đá. Loại này có ở nhiều nơi. Và, tại sao tinh và thần lại biến thành như vậy?

Ở Hồng Kông có ngọn núi gọi là Vọng phu. Chuyện kể rằng có người đàn bà, chồng là Hải quân, anh ta ra đi không bao giờ trở lại. Người vợ cứ ngày ngày dẫn con lên ngọn núi nhìn về phía biển đợi chờ. Ngày qua ngày, tinh thần chờ đợi của người đàn bà ấy dần dần cạn kiệt và chuyên hóa, đến sau đó thì thành đá. Ngày nay, quý vị đến đó sẽ nhìn thấy hình tượng đá một người đang đứng, phía sau có đứa bé. Bà ấy vẫn trông chờ. Hầu hết chúng ta rất khó tin rằng cái tinh thần của con người lại có thể biến thành gỗ, đá – nhưng đó là sự thực. Nó đã thực sự xảy ra, có nhiều trường hợp con người biến thành đá như vậy. Hoặc nhiều sự việc xảy ra tương tự vậy. Chẳng hạn, một người có tánh rất nóng, một khi ngọn lửa tự tánh của người ấy bộc phát mạnh thì thực chất của anh ta dễ dàng biến thành than ngay. Lửa của tự tánh rất mạnh, nó có sức nóng thật khủng khiếp, và như vậy, thực chất cũng dễ bị đốt cháy. Con người bao gồm các yếu tố kim loại, gỗ, nước, lửa và đất, nếu họ thường xuyên tiếp xúc và dốc hết tâm ý vào một yếu tố nào thì họ sẽ biến thành yếu tố đó. Điều đó xảy ra là do tư tướng cố chấp tham trước. Khi hiện tượng ấy xảy ra thì vật thể kia có trở lại làm người? Vâng, có đấy, nhưng không biết thời gian sẽ kéo dài bao lâu – chắc chắn là lâu lắm.

Kinh văn:

Nhân trong thế giới có tương đãi luân hồi, điên đảo về ngu nên hòa hợp với nhiễm, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng nhân y, vậy nên có yết nam, không phải có sắc mà có sắc trôi lăn trong cõi nước, các loài thủy mẫu dùng tâm làm mắt, các loại rất nhiều.

Giải:

Phần này bàn về các chúng phi hữu sắc. **Nhân trong thế giới có tương đãi luân hồi, điên đảo về ngụy nên hòa hợp với nhiễm, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng nhân y.** Nhân y là nương tựa vào nhau, vậy nên có yết nan, không phải có sắc mà có sắc trôi lăn trong cõi nước. Loài phi hữu sắc tức vốn không có sắc, nó chỉ nhờ vào vật khác nên mới có sắc, do đó các loài thủy mẫu dùng tôm làm mắt, các loại rất nhiều. Loài thủy mẫu nhờ vào bọt nước làm thành thân, chúng không có mắt nên phải nhờ vào mắt của tôm, đây là mối tương quan, ký sinh. Loài thủy mẫu này trông như những bong bóng trong nước, chúng vô sắc và có ở khắp nơi.

Kinh văn:

Nhân trong thế giới có tương đãi luân hồi, điên đảo về tính nên hòa hợp với chú, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng hô triệu, vậy nên có yết nam, không phải vô sắc mà vô sắc, trôi lăn trong cõi nước, chú trớ, yếm sinh, các loài rất nhiều.

Giải thích:

Đây là loại phi vô sắc, chúng vốn không có sắc, chỉ dùng chú ra hiệu. **Nhân trong thế giới có tương đãi luân hồi, điên đảo về tính, đây là tác động qua lại của dự dụ hoặc, làm thành điên đảo vọng tưởng, nên hòa hợp với chú, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng hô triệu.**

Gần đây tôi đã nói về pháp “Câu triệu”, pháp “Hô triệu” này cũng có dạng như vậy. Hô là gọi tên ai đó. Thường thì mọi người không thấy gì, nhưng khi tụng niệm chú thì đối tượng sẽ hiện đến, lúc đó chúng ta có thể thấy được. Mặc dù chúng ta gọi đó là quỷ, thần, nhưng họ đều là một loại thần thức đặc biệt - vậy nên có yết nam, không phải vô sắc mà vô sắc, trôi lăn trong cõi nước, Quỷ, thần ở đây là loại phi vô sắc – là những thần hộ pháp. Họ dùng chú trớ, yếm sinh, các loài rất nhiều. Trong Mật giáo có nhiều loại chú này.

Kinh văn:

Nhân trong thế giới có hợp vọng luân hồi, điên đảo về vọng nên hòa hợp với dị, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng hồi hồ, vậy nên có yết nam, không phải có tướng mà có tướng, trôi lăn trong cõi nước, những giống tò vò, mượn chất khác làm thân của mình, các loại rất nhiều.

Giải thích:

Nhân trong thế giới có hợp vọng luân hồi, điên đảo về vọng nên hòa hợp với dị, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng hội hổ, Cả hai có khác, nhưng sự biến hình thì như nhau. Tám mươi bốn nghìn là số nhiều, dùng để chỉ trong mỗi loại, thực ra trong từng loại còn có rất nhiều loại khác, số lượng không thể tính được. **Vậy nên có yết nam, không phải có tướng mà có tướng, trôi lăn trong cõi nước.** Lúc đầu, những sinh vật này chưa nhận thức mình sẽ hình thành loại nào, nhưng trải qua tiến trình nghĩ tướng nó mới hình thành hiện thể. Đó là **những giống tò vò, mượn chất khác làm thân của mình, các loại rất nhiều.** “Tò vò” – Sanskrit: Varata là một loại ong bắp cày. Ong này bắt lấy sâu bướm và chuyển chúng thành con mình. Nó đưa con sâu bướm về tổ, đoạn tụng chú trong bảy ngày: “Hãy như ta, hãy như ta”. Sau đó nó dời đi nơi khác. Người ta gọi các chúng ấy là không có tướng (phi hữu tướng), vì lúc đầu sâu bướm không nghĩ là mình biến thành con tò vò. Kinh Thi có câu: “Sâu bướm có con, Tò vò mang nợ”.

Kinh văn:

Nhân trong thế giới có oán hại luân hồi, điên đảo về sát nên hòa hợp với quái thành ra tám mươi bốn nghìn nghĩ tướng ăn thịt cha mẹ, vậy nên yết nam, không phải vô tướng mà vô tướng, trôi lăn trong cõi nước, như con Thổ kiều, áp khối đất làm con, và chim Phá kính áp quả cây độc làm con, con lớn lên thì cha mẹ đều bị chúng ăn thịt, các loại rất nhiều.

Giải thích:

Đây là loại phi vô tướng trong mười hai loại chúng sinh. Chúng có tư tướng nhưng không thường chính. **Nhân trong thế giới có oán hại luân hồi, điên đảo về sát.** Ông hại tôi, tôi hại ông. Ông giết tôi, tôi giết ông. Ông ghét tôi, tôi ghét ông, **nên hòa hợp với quái thành ra tám mươi bốn nghìn nghĩ tướng ăn thịt cha mẹ.** Khi oán hận đầy dẫy thì kết thành thân nghiệp điên đảo, **vậy nên yết nam, không phải vô tướng mà vô tướng, trôi lăn trong cõi nước.** Chúng xuất hiện như con Thổ kiều, **áp khối đất làm con.** Ở Trung Quốc, chim Thổ kiều còn gọi là chim Ứng đầu mèo, hoặc chim Bất hiệu. Loại chim này không đẻ trứng, mà nó ôm ấp khối đất làm con. Có điều, khi các con Thổ kiều đầy lòng oán hận lớn lên, chúng sẽ ăn thịt cha mẹ, và **chim Phá kính áp quả cây độc làm con.** Phá kính là tên loài thú ở Trung Quốc, trông giống con sói nhưng nhỏ hơn. Loại thú này không sinh sản, nó chỉ ôm ấp quả độc làm con, **con lớn lên thì cha mẹ đều bị chúng ăn thịt, các loại rất nhiều.** Phá kính cũng là loài thú bất hiệu. “Chim” có thể là do dịch sai. Các loại ấy có ở nhiều nơi.

Kinh văn:

Đây gọi là mười hai loại chúng sinh.

Giải thích:

Phía trên đã giảng về mười hai chủng loại chúng sinh.

---o0o---